

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian giảng dạy theo trình độ (năm))	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Nguyễn Quốc Huy, 28/10/1974	024074000056	GVCC, PGS 2015	TS, Việt Nam, 2010	Dược liệu-DHCT	20/6/2020		0104041912	23	1	4	
2	Nguyễn Duy Thuần 02/06/1956	038056007892	GVCC, PGS 2009	TS, Bulgari, 1996	Dược liệu-DHCT		31/7/2023, HD 12 tháng 31/7/2024, HD 12 tháng	0100050022	28	3	0	
3	Vũ Đức Lợi, 17/11/1983	036083001369	GVCC, PGS 2020	TS, Việt Nam, 2015	Dược học cơ truyền	1/4/2022		0108080935	17	1	3	
4	Trần Thị Thu Hiền 10/10/1983	036183013796	GVC	TS, Việt Nam, 2023	Dược liệu-DHCT	1/4/2009		0110134385	16	3	11	
5	Phùng Thanh Long 31/12/1989	022089002885	GV	TS, Việt Nam, 2023	Dược liệu-DHCT		15/1/2024, HD 12 tháng	0112054303	1	0	0	
6	Nguyễn Thị Minh Thu 13/04/1975	001175009614	GVC	TS, Việt Nam, 2009	Dược lý	1/12/2016		0105030236	8	0	6	
7	Nguyễn Văn Quân, 04/09/1964	031064013964	GV	TS, Việt Nam 2011	Tổ chức quản lý Dược	29/7/2003		0397081862	22	0	2	
8	Trần Thị Phương 24/2/1988	024188017586	GV	TS, Hàn Quốc, 2018	Dược lý-DLS		13/12/2023, HD 12 tháng	2521168645	1	0	0	
9	Đình Nguyễn An 23/11/1981	017181000182	GVC	TS, Việt Nam, 2015	Triết học	1/12/2007		2208002964	18	0	1	









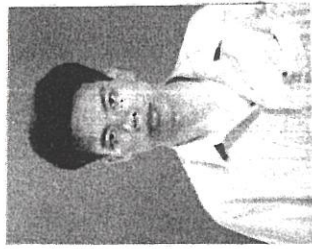
**BẢN SAO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành  
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của  
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường  
.....*Đại học Ngoại ngữ - Khoa mới*.....  
cấp

## BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo .....*TAI CHỨC*.....  
ngành .....*Điền ý*.....*Pháp*.....  
hạng .....*Trung bình*..... năm tốt nghiệp .....*1997*.....  
và công nhận danh hiệu



Số hiệu bằng

B .....*81430*.....

Số vào sổ .....*Chức*.....*nhận*.....*Ngành*.....*ngoại ngữ*.....  
**CHỨNG THỰC**  
**BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
cho .....*Nguyễn Quốc Trung*.....  
sinh ngày .....*22-08-2024*.....  
tại .....*Đà Nẵng*.....  
Số .....*59555*.....*Quyển*.....  
Đã học ngày .....*11*..... tháng .....*11*..... năm .....*1997*.....  
ĐẠI HỌC  
NGOẠI NGỮ

Hiệu trưởng

Khoa trưởng

Chữ ký của người được cấp bằng



CÔNG CHỨNG VIÊN

*Đài Thị Thanh Tâm*



# LÝ LỊCH KHOA HỌC

## A. THÔNG TIN CHUNG

**1. Họ và tên người đăng ký:** Nguyễn Quốc Huy

**2. Ngày tháng năm sinh:** 28/10/1974; Nam ; Nữ ; Dân tộc: Kinh

**3. Quê quán:** Xã Song Mai, Thành Phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**4. Chỗ ở hiện nay:**

- P1910, Tổ hợp chung cư cao tầng và dịch vụ NO4, Khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

- Điện thoại di động: +84.984398989

- Địa chỉ E-mail: huyhup2010@gmail.com

**5. Địa chỉ liên hệ:**

Nguyễn Quốc Huy, Học viện Y Dược cổ truyền Việt Nam; Số 2, Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội.

**6. Quá trình công tác:**

- Từ tháng 01 năm 2002 đến tháng 11 năm 2014: Là Giảng viên, Bộ môn Thực Vật, Trường Đại học Dược Hà Nội.

- Từ tháng 12 năm 2014 đến 07 tháng 5 năm 2020: Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế (Chức vụ: Bí thư chi bộ; Trưởng phòng Quản lý đào tạo).

- Cơ quan công tác hiện nay (khoa, phòng, ban; trường, viện; thuộc Bộ): Giảng viên cao cấp tại Bộ môn Thực vật- Dược liệu, Học viện Y Dược cổ truyền Việt Nam, Bộ Y tế; Chức vụ: Giám đốc

+ Địa chỉ cơ quan: Số 2, Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội.

+ Website: <http://www.vutm.edu.vn>

+ Hệ số lương: Hiện nay:

- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Bổ nhiệm Phó giáo sư tại Trường Đại học Dược Hà Nội (2015).

**7. Hiện nay là:**

Giảng viên ; Nghiên cứu viên ; Cán bộ quản lý ; Các công tác khác ; Huru trí

**8. Quá trình đào tạo:**

- Được cấp bằng ĐH ngày 14 tháng 08 năm 1998, ngành: Dược; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Dược Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 08 tháng 02 năm 2002, ngành: Dược, chuyên ngành: Dược liệu – Dược học cổ truyền; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Dược Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 17 tháng 12 năm 2010, ngành: Dược, chuyên ngành: Dược liệu – Dược học cổ truyền; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Dược Hà Nội, Việt Nam.

**9. Đã được công nhận chức danh PGS: Năm 2015**

**10. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

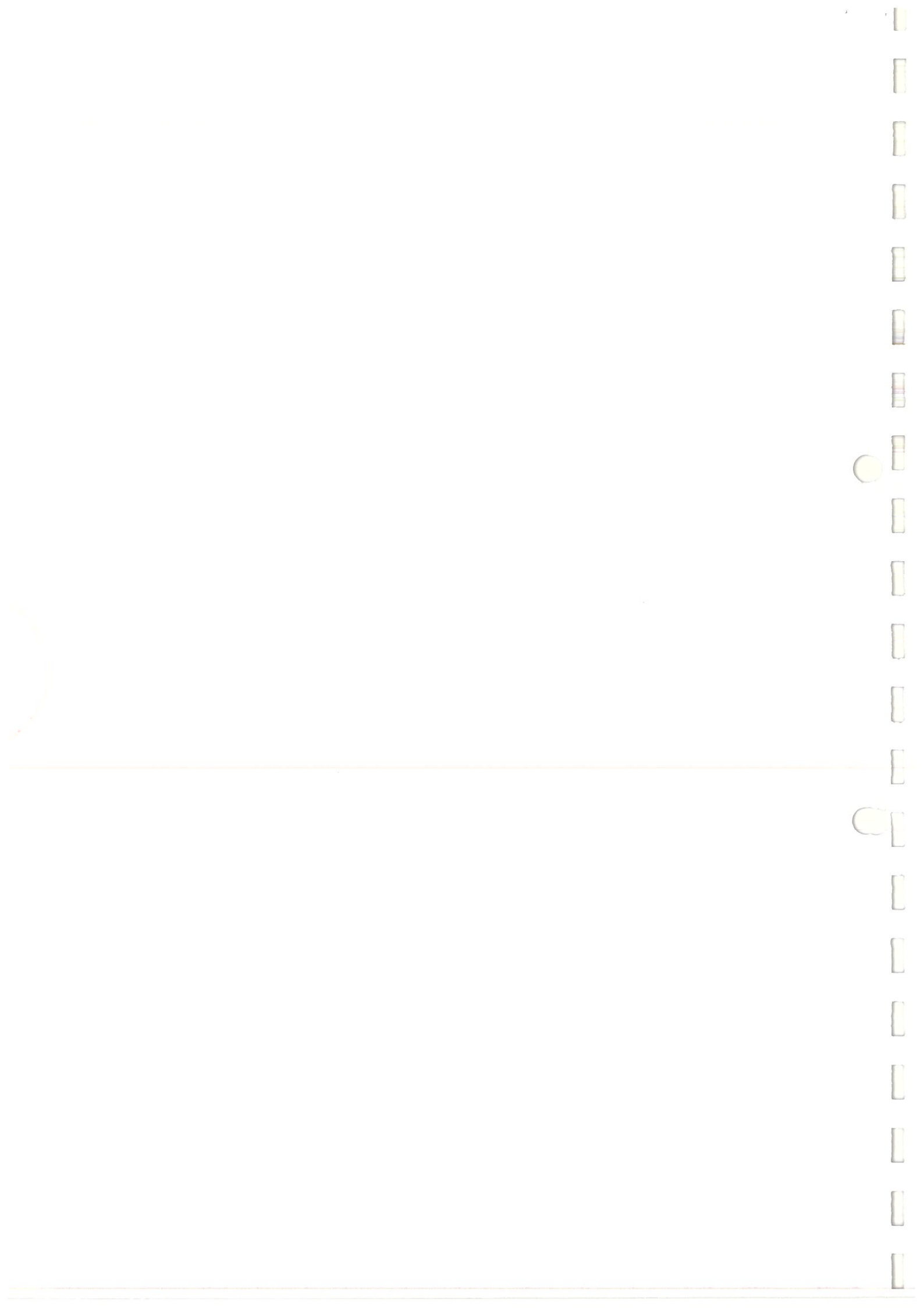
- Nghiên cứu về thực vật, giám định tên khoa học cây thuốc.

- Nghiên cứu về thành phần hóa học: định tính, định lượng, chiết xuất phân lập và nhận dạng các chất tinh khiết trong cây thuốc.

- Xây dựng tiêu chuẩn dược liệu, kiểm nghiệm dược liệu.

- Nghiên cứu độc tính và các tác dụng sinh học của dược liệu.

- Nghiên cứu về tài nguyên cây thuốc: điều tra, bảo tồn, trồng trọt và thu hái cây thuốc (theo hướng Thực hành trồng trọt và thu hái cây thuốc tốt của Tổ chức Y tế thế giới- GACP- WHO).





- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm từ dược liệu.

...

## 11. Tóm tắt kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

### Về đào tạo:

- Đã hướng dẫn (chính) 24 khóa luận tốt nghiệp Dược sĩ Đại học và bảo vệ thành công tại Trường Đại học Dược Hà Nội.

- Đã hướng dẫn 06 học viên cao học (5 hướng dẫn chính và 1 hướng dẫn phụ) đã bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ tại Trường Đại học Dược Hà Nội và Học viện Quân Y 103.

- Đã hướng dẫn 2 NCS: 01 NCS tại Trường Đại học Dược Hà Nội, đã bảo vệ cấp Trường và 01 NCS tại Viện Dược liệu; đã bảo vệ thành công

### Về nghiên cứu khoa học:

- Chủ nhiệm 02 đề tài NCKH cấp Bộ Y tế: đã nghiệm thu.

- Chủ nhiệm 01 nhiệm vụ lĩnh vực Dược liệu (giai đoạn III) thuộc sự án tăng cường tiềm lực KHCN góp phần phục vụ chiến lược chăm sóc sức khỏe nhân dân (trương đương cấp Bộ Y tế), đã nghiệm thu.

- Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp Tỉnh/Thành phố: 01 đã nghiệm thu.

- Chủ nhiệm 05 nhiệm vụ NCKH thuộc lĩnh vực Dược, Dự án DA17/09, Bộ Y tế, đã nghiệm thu.

- Chủ nhiệm 04 đề tài cấp cơ sở, đã nghiệm thu.

- Tham gia 01 đề tài cấp nhà nước, đã nghiệm thu.

- Tham gia 01 đề tài cấp Bộ Y tế đã nghiệm thu.

- Tham gia 01 đề tài NCKH cấp Tỉnh đã nghiệm thu.

## B. CHI TIẾT

### 1. Kinh nghiệm về đào tạo:

- Tổng số 14 năm tham gia đào tạo: 2002-2015 và năm 2020-2021

- Năm học 2014-2015: từ tháng 1/7/2014- 30/11/2014: là giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Dược Hà Nội; Từ 01/12/2014- 30/05/2015: là giảng viên thỉnh giảng của Trường Đại học Dược Hà Nội

- Từ 2015 đến 2020 là Phó Giáo sư, giảng viên thỉnh giảng được bổ nhiệm tại Bộ môn Thực vật, trường Đại học Dược Hà Nội.

- Từ 07/5/2020 đến 16/6/2021 là Phó Giám đốc phụ trách chuyên môn, Học viện Y Dược cổ truyền Việt Nam;

- Từ 09/9/2020 đến nay là Giảng viên cao cấp tại Bộ môn Thực vật- Dược liệu, Học viện Y Dược cổ truyền Việt Nam, Bộ Y tế

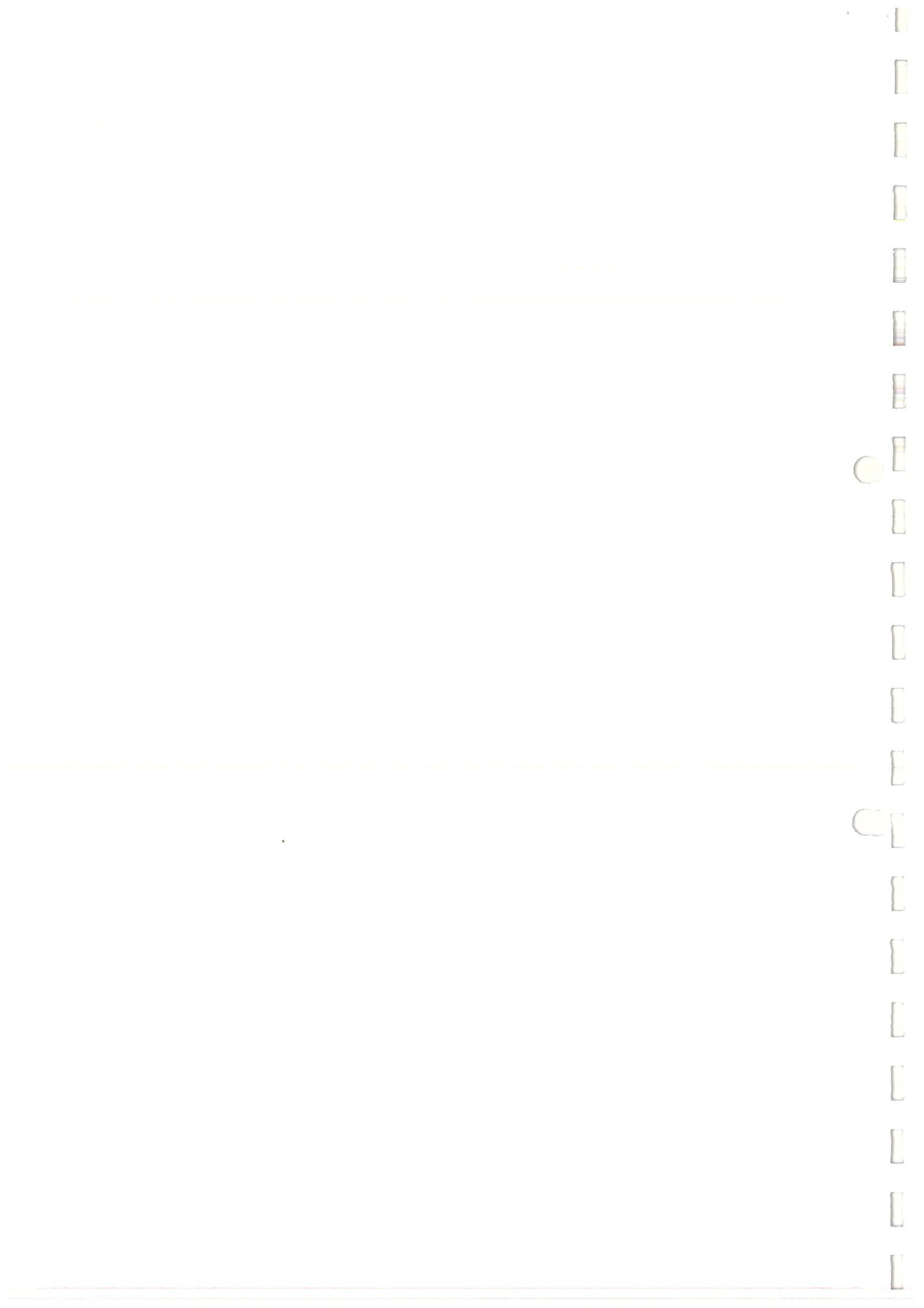
- Từ 16/6/2021 đến nay là Giám đốc Học viện Y Dược CT Việt Nam

### 2. Ngoại ngữ:

Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh; Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ; Trường cấp bằng: Trường Đại học Ngoại Ngữ Hà Nội; Hệ đào tạo: Tại chức; Số bằng: B 81480; Năm cấp: 1997

### 3. Hướng dẫn nghiên cứu sinh làm luận án tiến sĩ và học viên làm luận văn thạc sĩ

T	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn từ .....đến.....	Cơ sở đào tạo	Năm đã bảo vệ
		NCS	HV	Chính	Phụ			
T								



T	Họ tên NCS	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian	Cơ sở	Năm đã
1	Nguyễn Linh Chi		√		√	2009-2010	Trường ĐH Dược Hà Nội	2010
2	Trần Kiều Duyên		√	√		2013-2014	Trường ĐH Dược Hà Nội	2014
3	Nguyễn Thu Hằng		√	√		2013-2014	Trường ĐH Dược Hà Nội	2014
4	Nguyễn Vũ Minh		√	√		2013-2014	Trường ĐH Dược Hà Nội	2014
5	Nguyễn Thị Kiều Dương		√	√		2015-2016	Học Viện Quân Y 103	2016
6	Dương Nguyễn Quang		√	√		2018-2020	Học Viện Quân Y 103	2020
7	Hoàng Văn Thủy	√			√	2014-2018	Trường ĐH Dược Hà Nội	2021
8	Trần Thị Thu Hiền	√		√		2017-2020	Viện Dược Liệu	2023

#### 4. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phản biên soạn	Thẩm định, xác nhận sử dụng của CSGDDH
1.	Thực tập và nhận biết cây thuốc	GT	In tại Trung tâm Thông tin thư viện, Trường Đại học Dược Hà Nội, 2004	05	Tham gia viết, từ trang (20/93 trang)	Là giáo trình giảng dạy thực hành sinh viên chính quy, trình độ Đại học tại Trường Đại học Dược Hà Nội
2.	Chi <i>Stephania</i> Lour. đặc điểm thực vật, thành phần hoá học và tác dụng sinh học	CK	In tại nhà in Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội	02	Tham gia viết, từ trang (33/99 trang)	Là sách chuyên khảo

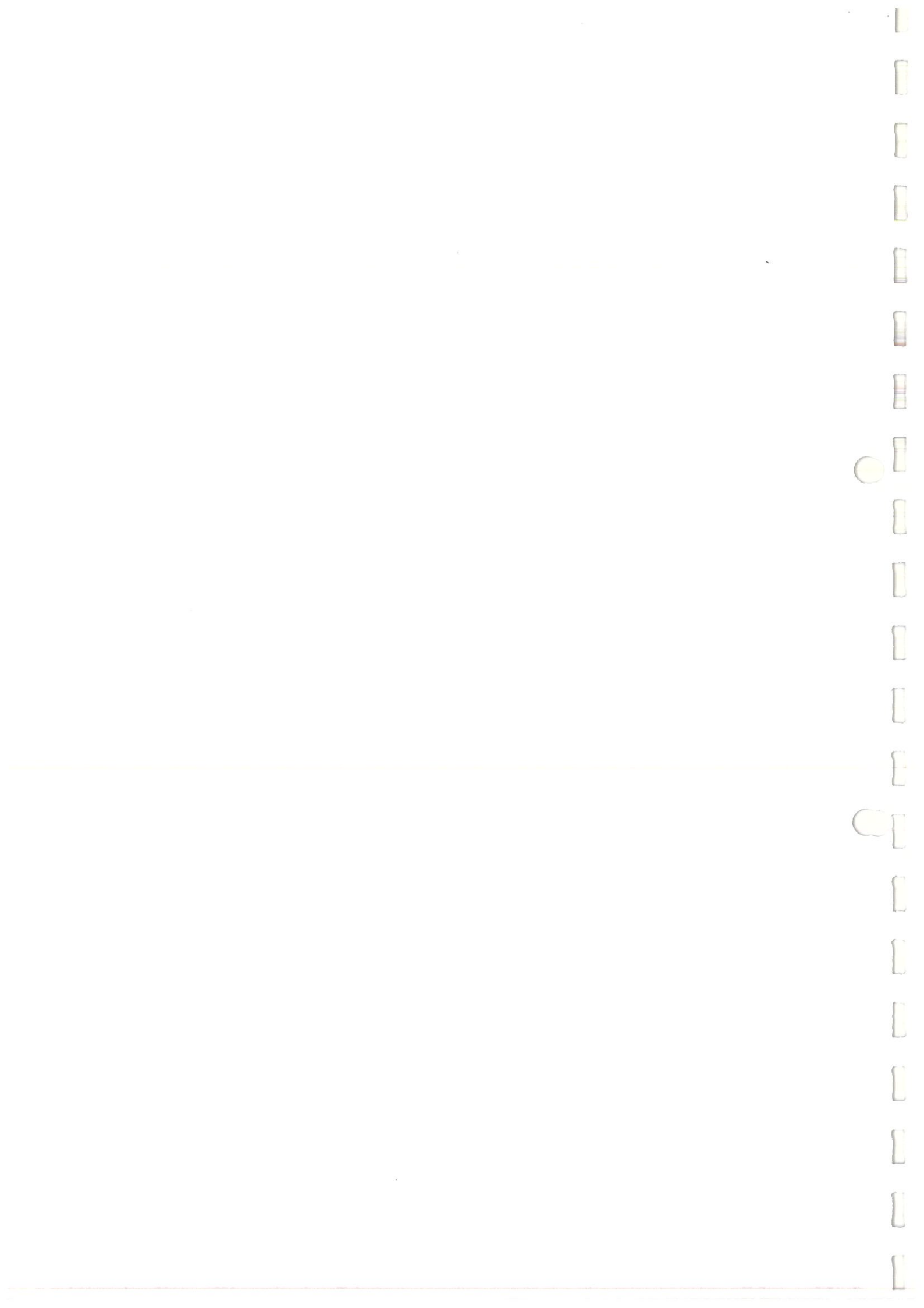
GT: Sách giáo trình

CK: Sách chuyên khảo









TT	Tên CT, ĐT	CN	TG	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Nghiên cứu về thực vật và thành phần hóa học cây củ dền ( <i>Stephania dielsiana</i> Y. C. Wu.) thu hái ở Ba Vì, Hà Nội	√		Cấp trường	2009-2010	06/04/2011	Khá
2	Nghiên cứu động thái tích lũy Rotundin của loài củ dền ( <i>Stephania dielsiana</i> Y. C. Wu.) ở Ba Vì, Hà Nội	√		Cấp trường	2010-2011	13/03/2012	Xuất sắc
3	Xây dựng bộ tiêu bản và lý lịch của 200 cây thuốc phục vụ trong giảng dạy và nghiên cứu Thực vật Dược	√		Cấp trường	2013-2014	09/01/2015	Xuất sắc
4	Ứng dụng Polymerase chain reaction (PCR) để phân loại một số loài trong chi <i>Stephania</i> Lour. ở Việt Nam	√		Cấp trường	2013-2014	17/03/2015	Xuất sắc
5	Nghiên cứu tác dụng ức chế một số dòng tế bào ung thư và theo dõi tích lũy alcaloid từ cây trồng loài <i>Stephania dielsiana</i> Y. C. Wu (Củ dền)	√		Cấp Bộ Y tế	2012-2014	23/05/2015	Xuất sắc
6	Nghiên cứu quy trình chiết xuất, bào chế viên nang có tác dụng chống viêm, giảm đau từ cây Củ Dền ( <i>Stephania dielsiana</i> Y.C.Wu) ở Ba Vì, Hà Nội	√		Cấp Thành phố Hà Nội	2013-2014	15/05/2015	Xuất sắc
7	Khai thác phát triển nguồn gen 1 số loài Bình vôi ( <i>Stephania</i> sp) tạo nguyên liệu làm thuốc		√	Cấp nhà nước	2011-2015	Đã nghiệm thu	
8	Đánh giá khả năng phát triển và bước đầu kiểm tra chất lượng của giống SDCT.250313 nhập nội tại Việt Nam (Sắn dây củ tròn)	√		Bộ Y tế	2014-2015	QĐ phê duyệt KQ số 11/QĐ-BQL ngày 16/11/2015 của CT Cục KHCN và ĐT	
9	Đánh giá khả năng phát triển và bước đầu kiểm tra chất lượng của giống MC.170513 nhập nội tại Việt Nam (Maca)	√		Bộ Y tế	2014-2015	QĐ phê duyệt KQ số 12/QĐ-BQL ngày 16/11/2015 của CT Cục KHCN và ĐT	





TT	Tên CT, ĐT	CN	TG	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày nghiệm thu	Kết quả
10	Đánh giá khả năng phát triển và bước đầu kiểm tra chất lượng của giống CVO.310813 nhập nội tại Việt Nam (Cỏ vò ốc)	√		Bộ Y tế	2014-2015	QĐ phê duyệt kết quả số 13/QĐ-BQL ngày 16/11/2015 của CT Cục KHCN và ĐT	
11	Đánh giá khả năng phát triển và bước đầu kiểm tra chất lượng của giống CAM.300513 nhập nội tại Việt Nam (Hỷ thụ)	√		Bộ Y tế	2014-2015	QĐ phê duyệt kết quả số 14/QĐ-BQL ngày 16/11/2015 của CT Cục KHCN và ĐT	
12	Nghiên cứu sản xuất viên nang và đánh giá tác dụng tăng cường hoạt tính estrogen trên thực nghiệm giống SDCT.250313 nhập nội	√		Bộ Y tế	07/2015-07/2016	QĐ giao nhiệm vụ số 86/QĐ-BYT ngày 19/08/2015	Đã nghiệm thu
13	Sơ chế và đóng gói dược liệu sẵn dây củ tròn ( <i>Pueraria candollei</i> var. <i>mirifica</i> (Airy Shaw & Suvat.) Niyomdham) được trồng tại Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	√		Bộ Y tế	05/2018-06/2018	Hợp đồng số 06/HĐ-BQL ngày 02/5/2018	Đã nghiệm thu (Biên bản thanh lý ngày 27/12/2018)
14	Nghiên cứu thực trạng đào tạo và sử dụng nhân lực y tế theo chế độ cử tuyển và theo địa chỉ tại Việt Nam		√	Bộ Y tế	2018-2019	Trường ĐH YTCC	Đã nghiệm thu cấp Bộ Y tế
15	Nghiên cứu bào chế viên nang cứng có tác dụng hạ huyết áp của phân đoạn từ các loại hoè hoa ( <i>Flos Styphnolobii japonici</i> ) được chế biến theo y học cổ truyền		√	Sở KHCN tỉnh Hải Dương	2018-2019		Đã nghiệm thu cấp Tỉnh
16	Nghiên cứu bào chế, đánh giá tác dụng kháng ung thư và độc tính của viên nang cứng từ cao định chuẩn giàu oxostephanin của thân lá cây củ Dòm ( <i>Stephania dielsiana</i> Y. C. Wu).	√		Bộ Y tế	08/2019-12/2021	QĐ giao nhiệm vụ số 2721/QĐ-BYT ngày 28/6/2019	Đã nghiệm thu
17	Định lượng alkaloid toàn phần và đánh giá tác dụng chống viêm <i>in vitro</i> của loài Thạch căn thảo ( <i>Pilea sp1.</i> ) thu hái tại Cao Bằng		√	Cấp trường	2023	15/9/2023	Đạt



**6. Kết quả NCKH đã công bố (bài báo khoa học và bằng phát minh, sáng chế)**

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí	Tập	Số	Trang	Năm công bố
<b>Trước khi bảo vệ Luận án Tiến sĩ</b>							
<i>Các nghiên cứu về thực vật và giám định tên khoa học</i>							
1.	Đặc điểm thực vật của 2 loài bình vôi thuộc chi <i>Stephania</i> Lour. thu hái ở Ba Vì (Hà Nội) và Sapa (Lào Cai).	3	Tạp chí Dược học	12/2009	Số 404 Năm 49	33-38	2009
<i>Các nghiên cứu về thành phần hóa học</i>							
2.	Norproaporphine alkaloid (+)-Stepharine and Benzyl Isoquinoline Alkaloid Orientaline from the tuber of <i>Stephania brachyandra</i> Diels.	5	Tạp chí Dược liệu	Tập 13	Số 1/2008	13-16	2008
3.	Các hợp chất terpenoid năm vòng phân lập từ củ bình vôi <i>Stephania brachyandra</i> Diels.	5	Tạp chí Dược liệu	Tập 13	Số 2/2008	60-64	2008
4.	Một số alcaloid bậc 4 được phân lập từ củ bình vôi <i>Stephania brachyandra</i> Diels.	5	Tạp chí Dược liệu	Tập 13	Số 3/2008	104-107	2008
5.	L-tetrahydropalmatin, Oxostephanin and Dehydrocrebanin isolated from <i>Stephania dielsiana</i> Y. C. Wu Tubers	2	Tạp chí Dược liệu	Tập 14	Số 1/2009	23-27	2009
6.	Các hợp chất protoberberin phân lập từ củ bình vôi <i>Stephania brachyandra</i> Diels.	5	Tạp chí Dược học	2/2008	Số 382 Năm 48	22-27	2008
7.	Các flavonoid phân lập từ củ bình vôi <i>Stephania brachyandra</i> Diels	5	Tạp chí Dược học	3/2008	Số 383 Năm 48	9-11	2008
8.	L-tetrahydropalmatin và sinomenin phân lập từ củ bình vôi <i>Stephania sinica</i> Diels. thu hái ở Quảng Bình	2	Tạp chí Dược học	12/2008	Số 392 Năm 48	21-23	2008
9.	Stephanin và crebanin phân lập từ củ loài <i>Stephania venosa</i> (Bl.) Spreng thu hái tại Bà Rịa-Vũng Tàu	3	Tạp chí Dược học	01/2016	Số 477 Năm 56	40-42	2016
<i>Các nghiên cứu về độc tính và tác dụng sinh học</i>							





TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí	Tập	Số	Trang	Năm công bố
10.	Nghiên cứu tác dụng gây độc tế bào của 10 hợp chất phân lập từ một số loài bình vôi ( <i>Stephania</i> Lour.) ở Việt Nam	3	Tạp chí Dược liệu	Tập 14	Số 4/2009	218-220	2009
11.	Nghiên cứu tác dụng giảm đau, chống viêm của loài <i>Stephania dielsiana</i> Y. C. Wu. thu hái ở Ba Vì (Hà Nội)	4	Tạp chí Dược liệu	Tập 14	Số 6/2009	292-297	2009
12.	Kết quả nghiên cứu về L-tetrahydropalmatin trong loài bình vôi <i>Stephania brachyandra</i> Diels. thu hái ở Sapa (Lào Cai).	3	Tạp chí Dược học	11A/2006	Số 367 Năm 46	37-39	2006
<b>Sau khi bảo vệ Luận án Tiến sĩ</b>							
<i>Các nghiên cứu về thực vật và giám định tên khoa học.</i>							
13.	Nghiên cứu đặc điểm thực vật và giám định tên khoa học một loài thuộc chi <i>Ardisia</i> Sw. thu hái tại Ba Vì- Hà Nội	1	Tạp chí Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc.	Tập 6- Tr 1-40	Số 1/2015	26-31	2015
14.	Nghiên cứu đặc điểm thực vật một loài thuộc chi <i>Stephania</i> Lour. thu hái tại Bà Rịa- Vũng Tàu	2	Tạp chí dược học	6/2015	Số 470 Năm 55	43-47	2015
15.	Nghiên cứu đặc điểm thực vật một loài thuộc chi <i>Stephania</i> Lour. thu hái tại Ninh Thuận	1	Tạp chí dược học	11/2014	Số 463 Năm 54	49-53	2014
16.	Phân loại một số loài trong chi <i>Stephania</i> Lour. ở Việt Nam sử dụng đoạn trình tự rADN-ITS	4	Tạp chí dược học	9/2014	Số 461 Năm 54	55-59	2014
<i>Các nghiên cứu về thành phần hóa học của cây thuốc</i>							
17.	Phân lập và xác định cấu trúc của oxostephanin từ thân và lá loài bình vôi <i>Stephania dielsiana</i> Y. C. Wu	2	Tạp chí Dược học	11/2013	Số 451 Năm 53	20-23	2013
18.	Palmatin và (R)- corydin phân lập từ củ bình vôi <i>Stephania sinica</i> Diels. thu hái ở Quảng Bình	2	Tạp chí Dược học	1/2014	Số 453 Năm 54	26-30	2014
19.	Phân lập và xác định cấu trúc của Thailandin từ thân và lá loài bình vôi <i>Stephania dielsiana</i> Y. C. Wu.	4	Tạp chí Dược học	2/2014	Số 454 Năm 54	26-29	2014



TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí	Tập	Số	Trang	Năm công bố
20.	Phân lập và xác định cấu trúc của crebanin từ củ dôm ( <i>Stephania dielsiana</i> Y. C. Wu)	1	Tạp chí Dược học	3/2015	Số 467 Năm 55	22-25	2015
<i>Các nghiên cứu về xây dựng tiêu chuẩn dược liệu.</i>							
21.	Xây dựng phương pháp và tiến hành bán định lượng rotundin trong củ một số loài bình vôi <i>Stephania</i> Lour. bằng sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao (HPTLC)	6	Tạp chí Dược học	4/2014	Số 456 Năm 54	38-42	2014
22.	Nghiên cứu thiết lập chất đối chiếu oxostephanin dùng trong kiểm nghiệm và nghiên cứu dược liệu củ dôm ( <i>Stephania dielsiana</i> Y. C. Wu)	7	Tạp chí Dược học	4/2014	Số 456 Năm 54	63-66	2014
23.	Định lượng oxostephanin trong củ dôm ( <i>Stephania dielsiana</i> Y.C.WU) bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao	7	Tạp chí dược học	5/2014	Số 457 Năm 54	42-46	2014
24.	Xây dựng phương pháp định lượng oxostephanin bằng HPTLC và định lượng một số mẫu củ, lá loài <i>Stephania dielsiana</i> Y. C. Wu trồng tại Ba Vì (Hà Nội)	1	Tạp chí dược học	2/2015	Số 466 Năm 55	29-33	2015
<i>Các nghiên cứu về độc tính và tác dụng sinh học</i>							
25.	Đánh giá ảnh hưởng của oxostephanin phân lập từ loài <i>Stephania dielsiana</i> Y.C.Wu lên quá trình chết theo chương trình (apoptosis) trên tế bào ung thư buồng trứng OVCAR-8	2	Tạp chí Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc	Tập 6	Số 2/2015	25-29	2015
26.	Đánh giá tác dụng ức chế một số dòng ung thư của các chất tinh khiết phân lập được từ loài <i>Stephania dielsiana</i> Y. C. Wu	1	Tạp chí dược học	1/2015	Số 465 Năm 55	28-31	2015





TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí	Tập	Số	Trang	Năm công bố
27.	Experimental anxiolytic and sedative like activity of <i>Stephania dielsiana</i> Y.C.Wu	5	Vietnam Journal of Medicine & Pharmacy, Ministry of Health	VJMP 2(2)/2 013	2(2)/20 13	60-66	2013
28.	Nghiên cứu tác dụng giải lo âu thực nghiệm của <i>Stephania sinica</i> Diels. và <i>Stephania dielsiana</i> Y. C. Wu.	5	Tạp chí Dược liệu	Tập 18	Số 3/2013	141- 147	2013
29.	Nghiên cứu tác dụng an thần và chống trầm cảm trên động vật thực nghiệm của <i>Stephania sinica</i> Diel. và <i>Stephania dielsiana</i> Y. C. Wu.	4	Tạp chí Dược học	7/201 3	Số 447 Năm 53	35-39	2013
30.	Đánh giá tác dụng ức chế một số dòng tế bào ung thư của các phân đoạn chiết từ củ dền ( <i>Stephania dielsiana</i> Y. C. Wu)	2	Tạp chí dược học	12/20 14	Số 464 Năm 54	38-40	2014
31.	Thử hoạt tính <i>in vivo</i> của phân đoạn SM2 chiết từ loài <i>Stephania dielsiana</i> Y. C. Wu trên chuột nhắt trắng chủng Swiss mang khối u Sarcom 180	2	Tạp chí dược học	4/201 5	Số 468 Năm 55	42-45	2015
32.	Nghiên cứu tác dụng ức chế acetylcholinesterase của một số loài thuộc chi <i>Stephania</i> Lour. họ Menispermaceae thu hái ở Việt Nam	2	Tạp chí dược học	4/201 5	Số 468 Năm 55	27-30	2015
33.	Đánh giá tác dụng giải lo âu trên động vật thực nghiệm của L-tetrahydropalmitin	5	Tạp chí dược học	12/20 14	Số 464 Năm 54	64- 68	2014
34.	Nghiên cứu tác dụng chống viêm giảm đau của dịch chiết phân đoạn từ củ loài <i>Stephania dielsiana</i> Y. C. Wu thu hái tại Ba Vì- Hà Nội.	3	Tạp chí Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc.	Tập 6-Tr1- 40	Số 1/2015	16-20	2015





TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí	Tập	Số	Trang	Năm công bố
35.	Nghiên cứu độc tính cấp và ảnh hưởng của viên nang cứng Dielsin lên các chỉ số huyết học của thỏ trên thực nghiệm	2	Tạp chí nghiên cứu Y Dược học cổ truyền Việt Nam	Tháng 12, 2014	Số 43	7-17	2014
36.	Nghiên cứu ảnh hưởng của Viên Nang cứng Dielsin lên chức năng gan, thận, thỏ thực nghiệm	2	Tạp chí nghiên cứu Y Dược học cổ truyền Việt Nam	Tháng 12, 2014	Số 43	62-69	2014
<b>Sau khi đạt tiêu chuẩn PGS</b>							
37.	Nghiên cứu đặc điểm thực vật một loài thuộc chi <i>Stephania</i> Lour. Thu hái tại Bà Rịa- Vũng Tàu	2	Tạp chí Dược học	Tháng 6/2015	Số 470	43-47	2015
38.	Nghiên cứu đặc điểm thực vật và giám định tên khoa học một loài thuộc chi <i>Callerya</i> thu hái tại Bắc Giang	3	Tạp chí Dược học	Tháng 8/2016	Số 484	44-49	2016
39.	Cải tiến phương pháp chiết xuất rotundin từ củ bình vôi	3	Tạp chí Dược học	Tháng 12/2016	Số 488	26-30	2016
40.	Nghiên cứu đặc điểm thực vật và giám định tên khoa học loài sắn dây củ tròn thu hái tại Bắc Giang	3	Tạp chí Dược học	Tháng 12/2016	Số 488	36-40	2016
41.	Hai protoberberin alcaloid phân lập từ loài <i>Stephania venosa</i> (Bl.) Spreng	3	Tạp chí Dược học	Tháng 12/2016	Số 488	71-74	2016
42.	Nghiên cứu tác dụng tăng cường hoạt tính estrogen trên chuột cống cái non và độc tính cấp của rễ củ của cây sắn dây củ tròn ( <i>Pueraria candollei</i> var. <i>mirifica</i> (Airy Shaw & Suvat.) Niyomdham)	4	Tạp chí Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc	Tháng 11/2016	Số 4+5/2016	79-83	2016
43.	Cytotoxic alcaloid from <i>Stephania dielsiana</i>	6	Chemistry of Natural Compounds	May, 2018	Vol.54, No. 3	pp. 613-616	2018
44.	Development of Anti-winkle cream from <i>Pueraria candollei</i> var. <i>mirifica</i> (Airy Shaw and Suvat.) Niyomham, “Kwao Krua Kao” for menopausal women	6	International Journal of Pharmacy and Pharmaceutical Science		Vol. 10, issue 7	pp. 16-21.	2018



TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí	Tập	Số	Trang	Năm công bố
45.	Isoflavonoids and Phytoestrogens from <i>Pueraria candollei</i> var. <i>mirifica</i> related with appropriate ratios of Ethanol Extraction	6	Asian Journal of Chemistry		Vol. 30, No. 9	pp. 2068-2090	2018
46.	Nghiên cứu đặc điểm thực vật một loài thuộc chi <i>Stephania</i> Lour. Thu hái tại Văn Chấn – Yên Bái	6	Tạp chí dược học	Tháng 5/2018	Số 505	34-39	2018
47.	Phân lập và xác định cấu trúc hoá học các alkaloid của loài <i>Stephania viridiflavens</i> H. S. Lo et M. Yang mọc ở Yên Bái	4	Tạp chí dược học	Tháng 5/2018	Số 505	11-16	2018
48.	Nghiên cứu tác dụng giảm đau và chống viêm của hai loài Bình vôi <i>Stephania venosa</i> (Bl.) Spreng và <i>Stephania. Viridiflavens</i> H. S. Lo & M. Yang	6	Tạp chí dược học	Tháng 7/2019	Số 519	24-28	2019
49.	Investigation of the estrogenic activity of <i>Pueraria candollei</i> variety <i>mirifica</i> extract on rats	4	International Journal of Basic & Clinical Pharmacology	October 2019	Vol 8, Issue 10	Pp 2172-2178	2019
50.	Study the therapeutic effect of capsule CTHepaB on nude mice carrying human hepatocellular carcinoma cells infected with hepatitis B virus.	10	Medical Science	May, 2021	Volume 25, Issue 111	pp. 1218-1224	2021 ✓
51.	Effectiveness off auricular acupressure and breathing exercises for smoking cessation.	10	Medical Science	May, 2021	Volume 25, Issue 111	pp. 1225-1232	2021 ✓
52.	Protective role of TD0014 against sodium valproate-induced reproductive toxicity in male wistar rats.	10	Medical Science	May, 2021	Volume 25, Issue 111	pp. 1241-1247	2021 ✓



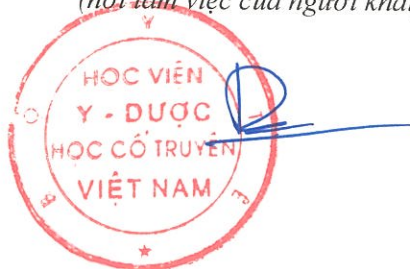


TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí	Tập	Số	Trang	Năm công bố
53.	Dual roles of oxostephanine as an Aurora kinase inhibitor and angiogenesis suppressor	11	International Journal of Molecular Medicine	Volume 50 Issue 5	00: IJMM-5582-284813_OA, 0000		2022
54.	Cytotoxic effects of aporphine alkaloids from the stems and leaves of <i>Stephania dielsiana</i> Y.C.Wu	6	Natural Product Research		DOI: 10.1080/14786419.2023.2227911	pp.1-10	2023

Hà Nội, ngày 25. tháng 6. năm 2024

**TỔ CHỨC**

(nơi làm việc của người khai)

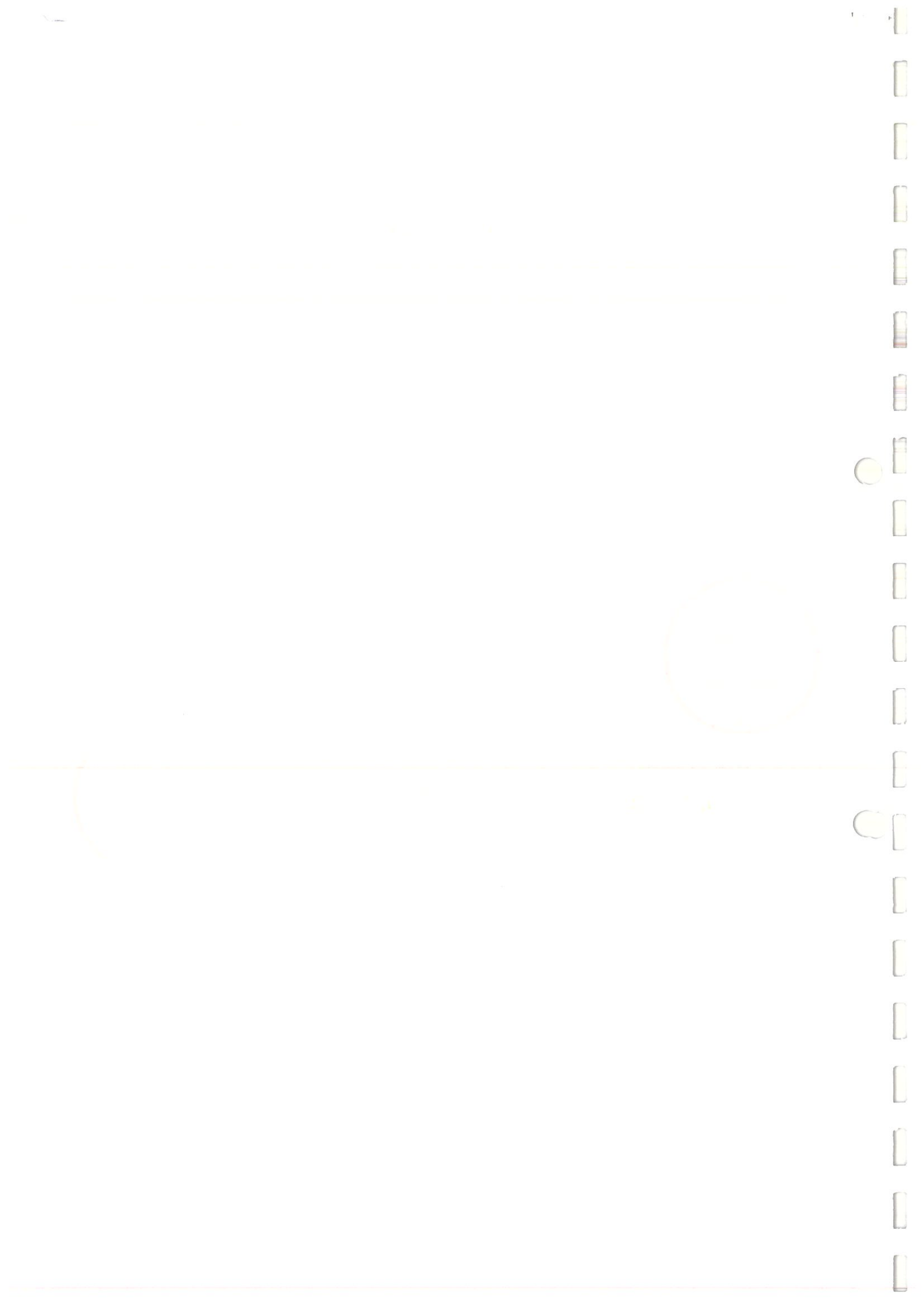


**NGƯỜI KHAI**

**PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy**

**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Quốc Huy*





Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2001

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**  
Về việc tuyển dụng công chức, viên chức

**BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

- Căn cứ Nghị định số 68/CP ngày 11/10/1993 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Y tế;
- Căn cứ Nghị định số 25/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ về quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính sự nghiệp và lực lượng vũ trang;
- Căn cứ Nghị định số 95/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Thông tư số 04/1999/TT-TCCP ngày 20/3/1999 của Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị định 95/1998/NĐ-CP;
- Theo yêu cầu công tác, xét kết quả thi tuyển ngày 30 tháng 10 năm 2001 của Hội đồng thi tuyển công chức Trường Đại học Dược Hà Nội;
- Xét đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Y tế và đề nghị của ông Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội;

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Tuyển dụng ông(bà): **NGUYỄN QUỐC HUY**

Sinh ngày: 28/10/1974 Tại: Hà Bắc;  
 Tốt nghiệp: Dược sĩ Đại học tại Trường Đại học Dược Hà Nội; Năm 1998.  
 Đã trúng tuyển kỳ thi tuyển công chức, ngày 30/10/2001; Tại: Hội đồng thi tuyển công chức Trường Đại học Dược Hà Nội;  
 Được tuyển dụng vào cơ quan: Trường Đại học Dược Hà Nội;  
 Kể từ ngày: 01/12/2001; ngạch: Giảng viên; Số hiệu: 15.111

**Điều 2:** Chế độ lương, phụ cấp (nếu có) và thời gian tập sự của đương sự được thực hiện theo quy định hiện hành;

**Điều 3:** Các ông, bà: Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ, Hiệu trưởng Trường Trường Đại học Dược Hà Nội và ông(bà) có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận

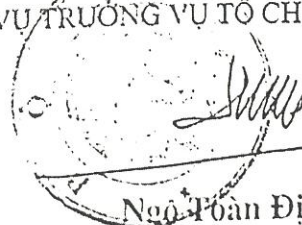
- Trưởng Bộ phận
- Đường dây
- Lưu TCCP
- Lưu trữ

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐÔNG TÂM  
 CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
 Số chứng thực..... Quyền số.....SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH  
 Phạm Hoàng Linh

TU QU: BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ  
 VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ



Ngô Toàn Định





THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF  
HANOI UNIVERSITY OF PHARMACY

confers  
**THE DEGREE OF  
DOCTOR OF PHILOSOPHY  
IN PHARMACY**

Upon: (Mr, Ms) *Mr. Nguyen Quoc Huy*  
Born on: **Oct., 28<sup>th</sup>, 1974 in Bac Giang**

Given under the seal of  
Hanoi University of Pharmacy  
on the seventeenth of December 2010

Serial number: .....  
Reference number: **0001**

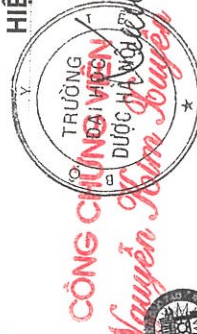
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Cấp  
**BẰNG TIẾN SĨ  
DƯỢC HỌC**  
Cho: Ông *Nguyễn Quốc Huy*  
Sinh ngày: **28 - 10 - 1974 tại Bắc Giang**

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2010

HIỆU TRƯỞNG



*Le Viet Hinh*

Số hiệu: **000108**  
Số vào sổ cấp bằng: **0001**

CHỖ THỰC DÀN SÁCH ĐANG VỚI BẢN CHÍNH  
Ngày: **28-02-2024**  
Số: **1275 Quyển 01**.....-SCT/BS

**BẢN SAO**



1912



THE UNIVERSITY OF CHICAGO



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

SỞ Y TẾ

Số: 01666/HNO-CCHND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Chúng nhận Ông: Nguyễn Quốc Huy

Năm sinh: 1974

Số CMND: 012724542

Trình độ chuyên môn: Dược sỹ đại học

Địa chỉ thường trú: Đình Quán, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm thành phố Hà Nội

Du tiêu chuẩn đăng ký hành nghề các loại hình kinh doanh thuốc sau:

- Hộ kinh doanh cá thể sản xuất dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
- Hộ kinh doanh cá thể bán buôn dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
- Đại lý bán buôn vacxin, sinh phẩm y tế
- Nhà thuốc
- Quầy thuốc
- Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp
- Tủ thuốc của trạm y tế



**CHỨNG TỪ** sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu  
**BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 Ngày: 20-08-2024  
 Số: 38542/2024/STBS

Chúng chỉ có giá trị từ ngày 09 tháng 12 năm 2013



CÔNG CHỨNG VIÊN

Bùi Thị Thanh Tâm

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2013



Nguyễn Văn Yên

Nguyễn Văn Yên

3-900



## ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ DƯỢC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2397/1999/QĐ-BYT ngày 10/8/1999 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Phải đặt lợi ích của người bệnh và sức khoẻ nhân dân lên trên hết.
2. Phải hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và tiết kiệm cho người bệnh và nhân dân.
3. Phải tôn trọng và bảo vệ quyền, những bí mật liên quan đến bệnh tật của người bệnh.
4. Phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và những quy định chuyên môn, thực hiện Chính sách Quốc gia về thuốc. Không lợi dụng hoặc tạo điều kiện cho người khác lợi dụng nghề nghiệp để mưu cầu lợi ích cá nhân, vi phạm pháp luật.
5. Phải tôn trọng và hợp tác với cơ quan quản lý nhà nước, kiên quyết đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực trong hoạt động nghề nghiệp.
6. Phải trung thực, thật thà, đoàn kết, kính trọng các bậc thầy, tôn trọng đồng nghiệp, sẵn sàng học hỏi kinh nghiệm, trao đổi kiến thức với đồng nghiệp và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.
7. Phải hợp tác chặt chẽ với các cán bộ y tế khác để thực hiện tốt nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh, nghiên cứu khoa học.
8. Phải thận trọng, tỉ mỉ, chính xác trong khi hành nghề. Không được vì mục đích lợi nhuận mà làm thiệt hại sức khoẻ và quyền lợi của người bệnh, ảnh hưởng xấu đến danh dự và phẩm chất nghề nghiệp.
9. Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, tích cực nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, phát huy sáng kiến, cải tiến, đáp ứng tốt các yêu cầu phục vụ xã hội trong mọi tình huống.
10. Phải nâng cao tinh thần trách nhiệm trong hành nghề gương mẫu thực hiện nếp sống văn minh, tích cực tham gia đấu tranh PC các tệ nạn XH.

## CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DƯỢC



SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Freedom - Happiness

THE CHAIRMAN  
OF THE STATE COUNCIL FOR PROFESSOR TITLE

- Pursuant to Decision N° 174/2008/QĐ-TTg dated December 31, 2008 and Decision N° 20/2012/QĐ-TTg dated April 27, 2012 by the Prime Minister of the Socialist Republic of Vietnam;
- Pursuant to Resolution N° 02/NQ-HĐCĐGSNN dated October 18, 2015 by the State Council for Professor Title,

CONFERS  
THE CERTIFICATE OF RECOGNITION

Upon: *Mr. Nguyen Duc Huy*

Born on: **October 28, 1974**

In: *Bac Giang city, Bac Giang*

for having met the standards of associate professor title  
in: **Pharmacy**



Given under the Seal  
of the State Council for Professor Title

Ngày: 28-02-2024

Số: 1273/01

Quyết: SC1/BS

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐANG VÀI CHỈM

Ngành: Dược học

Chợ: Ông Nguyễn Đức Huy

Sinh ngày 28 tháng 10 năm 1974

Quê quán: Tp. Bắc Giang, Bắc Giang

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



CÔNG CHỨNG VÀI CHỈM

Nguyễn Văn Tuấn

TS. Phạm Vũ Luận

Số: 3107/PGS



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG CHỨC DANH GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 và Quyết định số 20/2012/QĐ-TTg ngày 27/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐCĐGSNN ngày 18/10/2015 của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước,

CÔNG NHẬN

ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

BẢN SAO





**BẢN SAO**

INSTITUTE FOR APPLIED  
INFORMATICS - IAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ TIN HỌC**

Trình độ: **B**



It is hereby certified that

Mr/Mrs/Miss : **NGUYỄN QUỐC HUY**

Has Successfully Passed

The Informatic training Programme

of IAI - VAIP

Programme : **Min word excel**

Level : **B**

**CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG**  
**VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: **22-08-2024**

Quyển số: **3955603**

Theo chương trình đào tạo Tin học của Viện

Đạt loại: **Giỏi**

Khóa : **2.5** năm 1998

Ngày: **26 tháng 4 năm 1998**

SỐ TÊN

**VIỆN TIN HỌC VÀO DỤC**  
VIỆN TRƯỞNG  
**T.S. NGUYỄN QUÝ SƠN**

No: **01193/TT**



CÔNG CHỨNG VIỆN

*Bùi Thị Thanh Sơn*



# CHỨNG CHỈ

## BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM

Cấp cho: Nguyễn Quốc Huy

Sinh ngày: 28/10/1974 Nơi sinh: Bắc Giang

Đã hoàn thành chương trình

Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng

Từ ngày 09 tháng 5 năm 2020 đến ngày 30 tháng 5 năm 2020

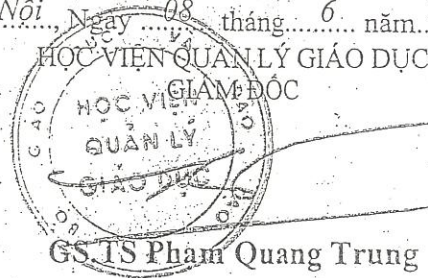
Hội đồng thi: Học viên Quản lý giáo dục

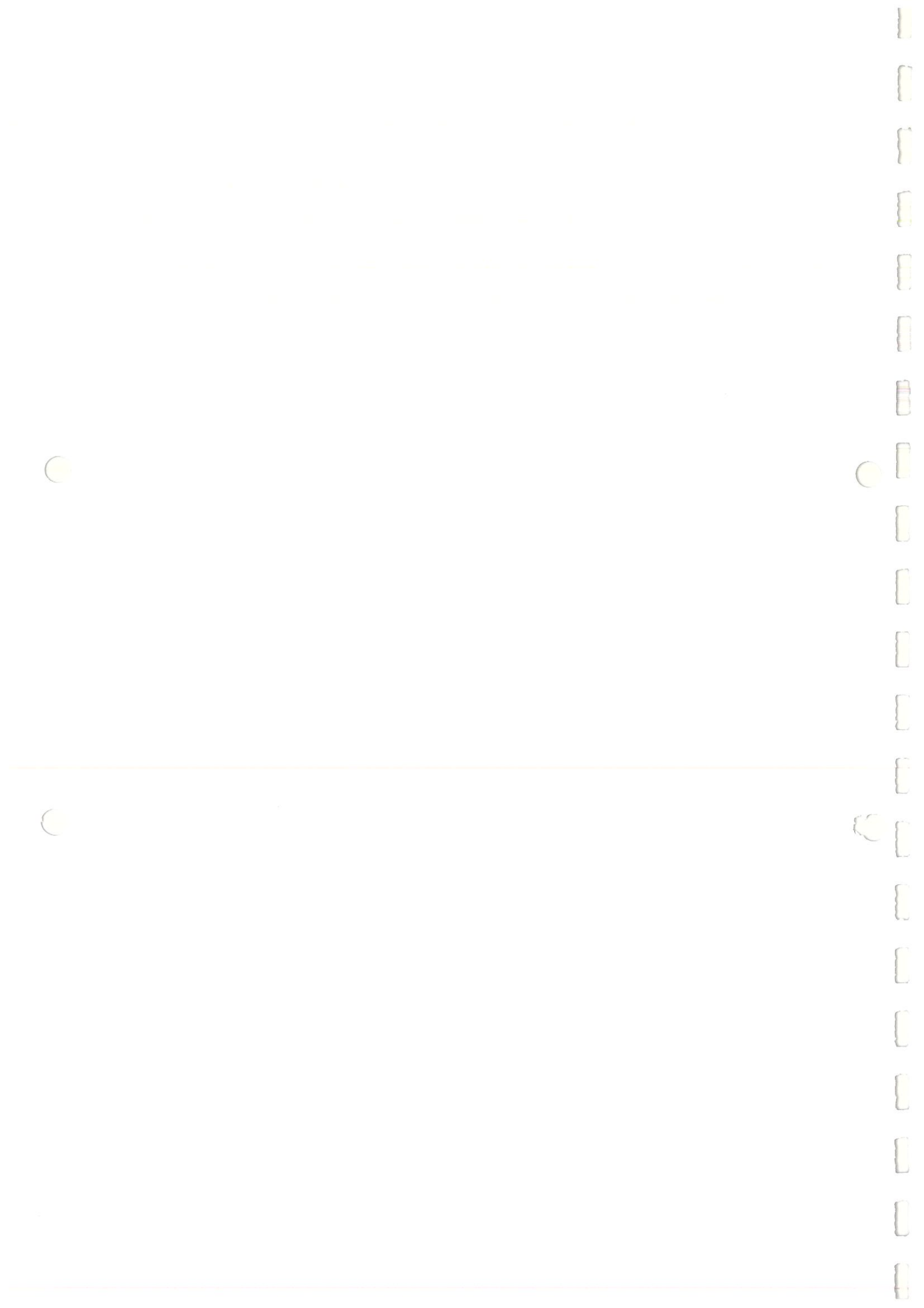
Xếp loại: Khá

Hà Nội, Ngày 08 tháng 6 năm 2020

Số hiệu: NVSP-HVQLGD

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 676





BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2637/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên chính**

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 258

Ngày 22 tháng 6 năm 2020

**BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ về việc quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức;

Theo đề nghị của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam tại công văn số 352/HVYDHC TVN-TCCB ngày 09/6/2020 về việc chuyển chức danh nghề nghiệp từ chuyên viên chính sang giảng viên chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Huy, Phó Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam vào chức danh nghề nghiệp: giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02, xếp bậc 1, hệ số lương 4.40 kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

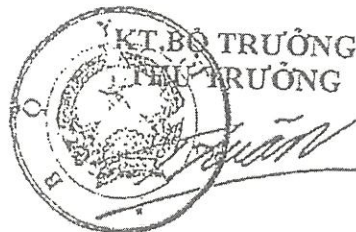
Thời điểm xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày 01/10/2017.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các ông/bà: Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Y tế, Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam, Thủ trưởng đơn vị có liên quan và ông Nguyễn Quốc Huy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

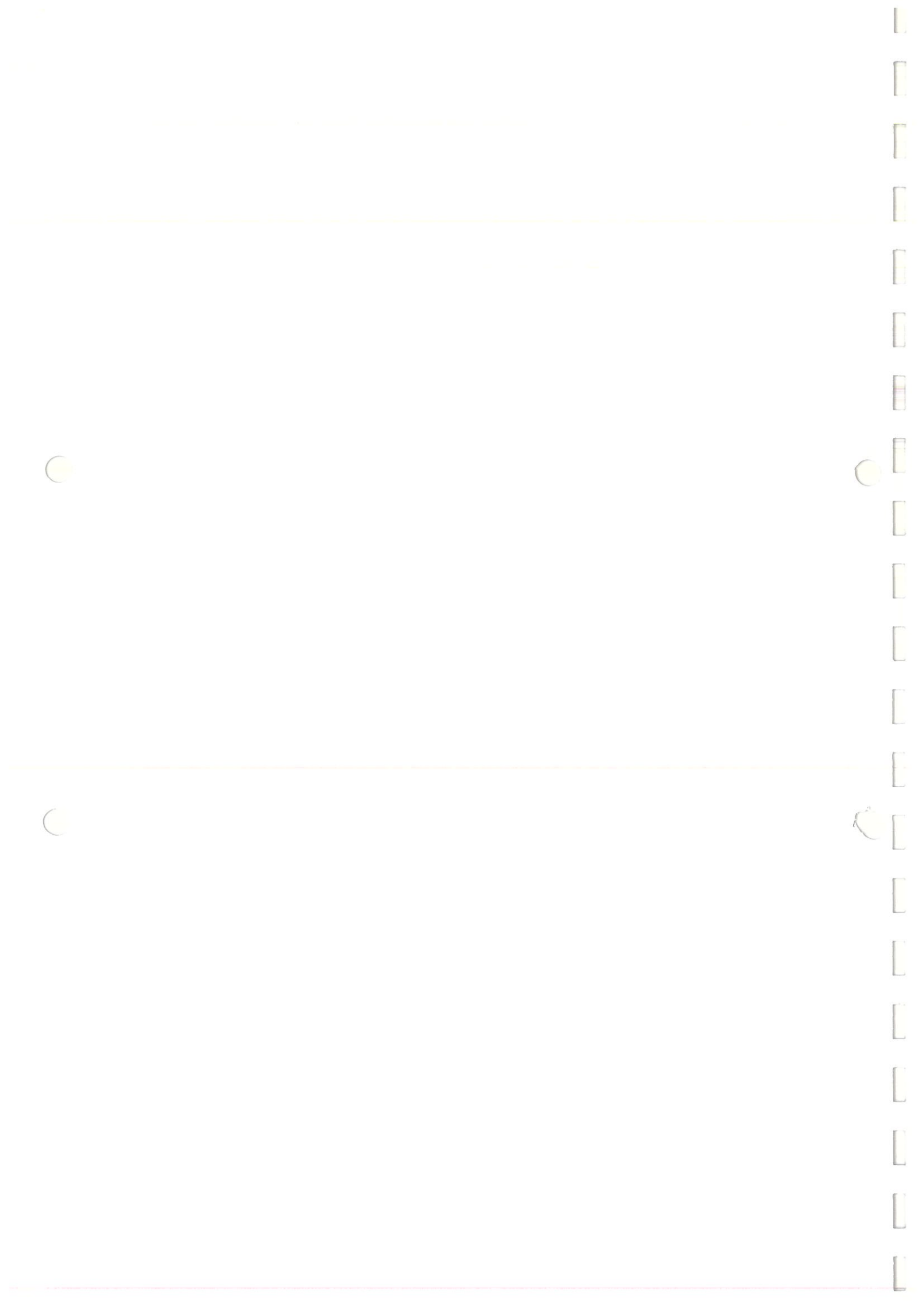
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam
- Lưu: Văn thư, TCCB.



Trần Văn Thuận









Số: 529 /QĐ-HVYDHCTVN

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư**

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư;

Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ, công nhận chức danh và miễn nhiệm;

Căn cứ Quyết định 46/QĐ-HĐCDGSNN ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Hội đồng Giáo sư Nhà nước về việc công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư năm 2015;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác Quốc tế về việc bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư cho ông Nguyễn Quốc Huy, ngành Dược học, sinh ngày 28/10/1974, Phó Giám đốc phụ trách chuyên môn, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

**Điều 2.** Quyền và nghĩa vụ của Phó Giáo sư được bổ nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng: Tổ chức Cán bộ, Khoa học công nghệ và Hợp tác Quốc tế, các đơn vị có liên quan và ông Nguyễn Quốc Huy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHCN&HTQT.

**GIÁM ĐỐC**







Số: 37/QĐ-HVYDHCCTVN

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc cử cán bộ tham gia các nội dung  
của đề tài cấp Bộ Y tế năm 2019

#### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường Đại học”;

Căn cứ Quyết định số 1947/2000/QĐ-BYT ngày 23 tháng 06 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phân cấp công tác quản lý cán bộ cho Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 2566/QĐ-BYT ngày 19 tháng 07 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Theo đề nghị của ông/bà Trưởng phòng KHCN&HTQT,

#### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cử 50 cán bộ tham gia thực hiện các nội dung của đề tài NCKH cấp Bộ Y tế năm 2019 (Có danh sách kèm theo).

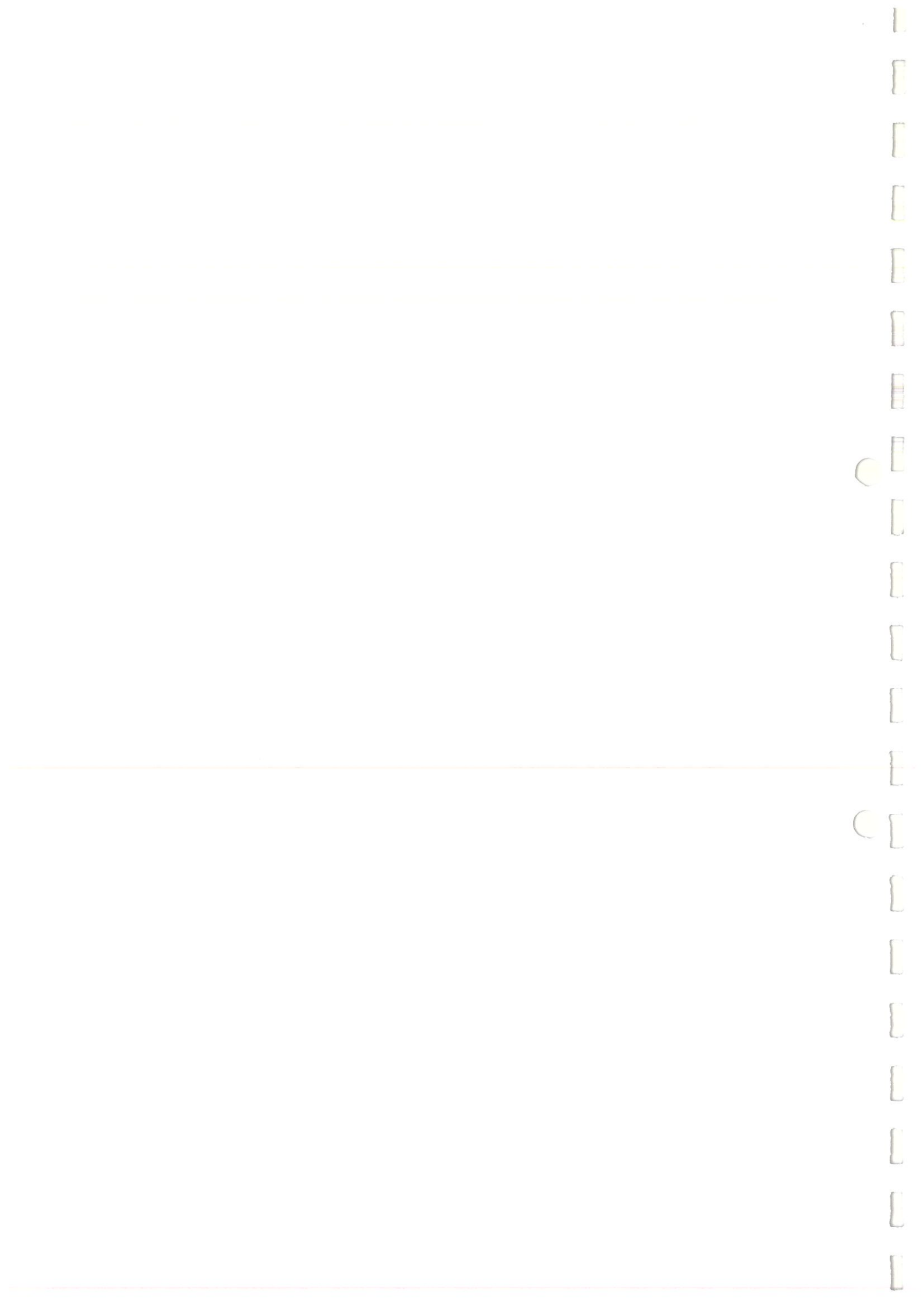
Điều 2. Nhiệm vụ của các thành viên có tên ở Điều 1 do Chủ nhiệm đề tài phân công.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng KHCN&HTQT, Tài chính Kế toán và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, QLKH

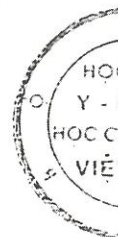
KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
HỌC VIỆN  
Y - DƯỢC  
HỌC CỔ TRUYỀN  
VIỆT NAM  
Phạm Quốc Bình



**DANH SÁCH CÁN BỘ THAM GIA THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG  
CỦA ĐỀ TÀI CẤP BỘ Y TẾ NĂM 2019**

*(Kèm theo Quyết định số 131/QĐ-HVYDHCTVN ngày 22 tháng 11 năm 2019  
của Giám đốc Học viện YDHCT Việt Nam)*

STT	Họ và tên	Chức danh	Bộ phận công tác
1.	Nguyễn Quốc Huy	Chủ nhiệm đề tài	Giảng viên thỉnh giảng – BM TV DL – Đông dược Học viện YDHCTVN
2.	Trần Thị Thu Hiền	Thư ký khoa học	Học viện YDHCTVN
3.	Bùi Thị Ngoan	Thành viên chính	Học viện YDHCTVN
4.	Đậu Xuân Cảnh	Thành viên chính	Học viện YDHCTVN
5.	Đỗ Thị Hồng Sâm	Thành viên chính	Học viện YDHCTVN
6.	Hoàng Thị Mỹ Nhung	Thành viên chính	Đại học KHTN – ĐHQGHN
7.	Nguyễn Linh Toàn	Thành viên chính	Học viện Quân Y
8.	Trần Phương Thảo	Thành viên chính	Trường Đại học Dược Hà Nội
9.	Phạm Thị Linh Giang	Thành viên chính	Trường Đại học Dược Hà Nội
10.	Phạm Thị Vân Anh	Thành viên chính	Trường Đại học Y Hà Nội
11.	Bùi Khắc Cường	Thành viên	Học viện Quân Y
12.	Bùi Thị Hào	Thành viên	Học viện YDHCTVN
13.	Bùi Thị Vân Khánh	Thành viên	Đại học KHTN – ĐHQGHN
14.	Cao Quỳnh Anh	Thành viên	Công ty CP Dược Trung Ương Mediplantex
15.	Đào Thị Thanh Duyên	Thành viên	Công ty CP Dược Trung Ương Mediplantex
16.	Đào Văn Lưu	Thành viên	Học viện YDHCTVN
17.	Đinh Thị Hồng Minh	Thành viên	Học viện YDHCTVN
18.	Dương Thu Trang	Thành viên	Viện Hoá sinh biển – Viện Hàn lâm KHVN
19.	Kiều Thị Phương Linh	Thành viên	Viện Hoá sinh biển – Viện Hàn lâm KHVN
20.	Lê Quang Hải	Thành viên	Học viện YDHCTVN
21.	Lê Thị Thu Hà	Thành viên	Học viện YDHCTVN
22.	Lê Thiên Kim	Thành viên	Trường Đại học Dược Hà Nội
23.	Nguyễn Hùng Đại	Thành viên	Học viện YDHCTVN
24.	Nguyễn Phương Dung	Thành viên	Học viện YDHCTVN
25.	Nguyễn Thị Hiền	Thành viên	Học viện YDHCTVN
26.	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Thành viên	Công ty CP Dược Trung Ương Mediplantex
27.	Phạm Lương Thuần	Thành viên	Công ty CP Dược Trung Ương Mediplantex
28.	Nguyễn Thị Thu Nga	Thành viên	Học viện YDHCTVN
29.	Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên	Học viện YDHCTVN
30.	Nguyễn Tiến Liên	Thành viên	Công ty CP Dược Trung Ương Mediplantex







31.	Tô Lê Hồng	Thành viên	Học viện YDHCTVN
32.	Tông Mai Vân	Thành viên	Học viện YDHCTVN
33.	Trần Đức Hữu	Thành viên	Học viện YDHCTVN
34.	Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên	Học viện YDHCTVN
35.	Trần Thị Kim Tuyền	Thành viên	Học viện YDHCTVN
36.	Trần Thị Vân	Thành viên	Học viện YDHCTVN
37.	Vũ Thành Trung	Thành viên	Viện Hoá sinh biển – Viện Hàn lâm KHVN
38.	Hoàng Thị Phương	Thành viên	Học viện YDHCTVN
39.	Đặng Thị Nga	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Học viện YDHCTVN
40.	Hoàng Thị Hoa	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Học viện YDHCTVN
41.	Lê Minh Đức	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Học viện YDHCTVN
42.	Lê Thị Linh	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Học viện YDHCTVN
43.	Lê Thị Thảo	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Học viện YDHCTVN
44.	Lê Thị Thúy	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Học viện YDHCTVN
45.	Lê Thu Hiền	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Học viện YDHCTVN
46.	Nguyễn Thị Hương	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Học viện YDHCTVN
47.	Nguyễn Thị Nga	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Học viện YDHCTVN
48.	Phan Thị Mai	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Học viện YDHCTVN
49.	Trần Thị Thu Phương	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Học viện YDHCTVN
50.	Vũ Thị Nhung	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Học viện YDHCTVN



12

Nhóm thực hiện đề tài có trách nhiệm tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu và thực hiện đúng tiến độ đề tài và có trách nhiệm bàn giao sản phẩm cuối cùng đầy đủ.



**BỘ Y TẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4601 /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ****BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4196/QĐ-BYT ngày 14/11/2023 của Bộ Y tế quy định định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 2721/QĐ-BYT ngày 28/6/2019 của Bộ Y tế về việc phê duyệt đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ; Quyết định số 782/QĐ-BYT ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc gia hạn thời gian thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ;

Xét công văn số 3729/HVYDCT-KHQT ngày 07/12/2023 của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam về việc đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ Y tế;

Xét Báo cáo số 347/BC-K2ĐT ngày 08/12/2023 của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo về việc rà soát hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo - Bộ Y tế.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ Y tế có 09 thành viên, trong đó gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch, 02 ủy viên phân biện và các ủy viên khác theo danh sách kèm theo Quyết định này (sau đây gọi là Hội đồng). Hội đồng cử 01 thành viên làm ủy viên thư ký khoa học.



Thành lập Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ Y tế có 03 thành viên gồm các thành viên của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng là Tổ trưởng. (sau đây gọi là Tổ chuyên gia). Các thành viên Tổ chuyên gia theo danh sách kèm theo Quyết định này.

- Tên đề tài: Nghiên cứu bào chế, đánh giá tác dụng kháng ung thư và độc tính của viên nang cứng từ cào định chuẩn giàu oxostephanin của thân lá cây củ dôm (*Stephania dielsiana* Y.C.Wu).

- Đơn vị chủ trì: Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

- Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ đánh giá kết quả nghiên cứu của đề tài trên theo quy định đánh giá và nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành để tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Y tế bằng biên bản họp làm cơ sở xem xét, phê duyệt công nhận kết quả thực hiện đề tài.

Tổ chuyên gia có trách nhiệm giúp Hội đồng kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm của đề tài trên theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Hội đồng sẽ tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 4.** Các Ông/Bà: Cục trưởng Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng đơn vị chủ trì, Chủ nhiệm đề tài và các Ông/Bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Lưu: VT, K2ĐT (2b).

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG   
  
Nguyễn Thị Liên Hương





## DANH SÁCH

Thành viên Hội đồng và Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài khoa học và công nghệ thuộc nhiệm vụ quỹ gen cấp Bộ “Nghiên cứu bào chế, đánh giá tác dụng kháng ung thư và độc tính của viên nang cứng từ cao định chuẩn giàu oxostephanin của thân lá cây củ dòm (*Stephania dielsiana* Y.C.Wu)”

(Kèm theo Quyết định số 4601/QĐ-BYT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

### 1. Danh sách Hội đồng:

STT	Họ và tên, học hàm học vị	Đơn vị công tác	Chuyên ngành	Chức danh Hội đồng
1	PGS.TS. Nguyễn Thượng Dong	Chuyên gia độc lập	Dược liệu	Chủ tịch
2	TS. Nguyễn Ngô Quang	Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo	Quản lý KH&CN	Phó Chủ tịch
3	GS.TS. Nguyễn Thị Hoài	Đại Học Y Dược Huế	Dược liệu	Ủy viên phản biện
4	PGS.TS. Phạm Thị Vân Anh	Trường ĐH Y Hà Nội	Dược lý	Ủy viên phản biện
5	PGS.TS. Đào Thị Vui	Trường ĐH Dược Hà Nội	Dược lý	Ủy viên (dự bị phản biện)
6	PGS.TS. Đoàn Cao Sơn	Viện Kiểm nghiệm	Kiểm nghiệm	Ủy viên
7	PGS.TS. Vũ Thị Thu Giang	Trường ĐH Dược Hà Nội	Bào chế	Ủy viên
8	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiếu	Chuyên gia độc lập	Ung thư	Ủy viên
9	PGS.TS. Đỗ Thị Hà	Viện Dược liệu	Dược liệu	Ủy viên

### 2. Danh sách Tổ chuyên gia:

1. PGS.TS. Nguyễn Thượng Dong – Tổ trưởng
2. PGS.TS. Vũ Thị Thu Giang – Thành viên
3. PGS.TS. Đỗ Thị Hà – Thành viên

3. Thư ký hành chính: 02 chuyên viên Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo.



BỘ Y TẾ  
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN  
ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU  
CẤP BỘ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ  
KẾT QUẢ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

**I. Những thông tin chung**

1. Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu bào chế, đánh giá tác dụng kháng ung thư và độc tính của viên nang cứng từ cao định chuẩn giàu oxostephanin của thân lá cây củ Dòm (*Stephania dielsiana* Y. C. Wu)

Mã số nhiệm vụ:

Chủ nhiệm nhiệm vụ: PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Học viện Y Dược cổ truyền Việt Nam

2. Quyết định thành lập Hội đồng số: 4601/QĐ-BYT ngày 21/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

Thời gian:

- Bắt đầu: 14 h, ngày 29/12/2023

- Kết thúc: 16 h cùng ngày

Địa điểm: Phòng họp 306, Cục KHCN + DT, Bộ Y tế

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:

Vắng mặt: 2 người, gồm: PGS. TS. Phạm Thị Văn Anh  
PGS. TS. Nguyễn Văn Hiếu

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng

TT	Đơn vị công tác	Họ và tên
1		
2		





## II. Nội dung làm việc của Hội đồng

Sau khi Ông/Bà Hoa đại diện cơ quan nghiệm thu công bố quyết định thành lập hội đồng đánh giá, nghiệm thu, danh sách các thành viên hội đồng và giới thiệu các đại biểu tham dự phiên họp,

1. Chủ tịch (hoặc phó Chủ tịch) điều khiển phiên họp hội đồng:

- Thông qua chương trình làm việc của hội đồng;
- Bầu P.G.S. Trần Cao Sơn là thư ký khoa học
- Bầu Đ.T. Sơn, G. Uy, K. H. là thành viên ban kiểm phiếu;

2. Hội đồng đã nghe Chủ nhiệm nhiệm vụ trình bày báo cáo tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện, báo cáo các sản phẩm khoa học và tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Hội đồng đã trao đổi nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm nhiệm vụ;

4. Chủ nhiệm nhiệm vụ trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng; cung cấp thông tin, giải trình và bảo vệ kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

5. Hội đồng họp riêng:

5.1. Hội đồng đã nghe:

- Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có);
- Phiếu nhận xét của uỷ viên phản biện;
- Phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có).

5.2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận:

- Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các uỷ viên phản biện và thành viên tổ chuyên gia về từng chi tiêu đánh giá đã được quy định.

- Trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan; kết quả đo đạc kiểm định lại những thông số kỹ thuật (nếu có); Hội đồng đã tham khảo Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và các Phiếu nhận xét đánh giá của các uỷ viên phản biện; trao đổi thảo luận, nhận định về các kết quả của nhiệm vụ theo từng nội dung theo quy định; Hội đồng đã thực hiện đánh giá kết quả của nhiệm vụ theo mẫu.

5.3. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá. Kết quả kiểm phiếu đánh giá được trình bày trong biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

6. Kết luận của Hội đồng về các nội dung đánh giá:

6.1. Về mức độ đáp ứng được yêu cầu số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm theo đặt hàng và hợp đồng NCKH của các kết quả thực hiện nhiệm vụ:

a) Về chủng loại sản phẩm so với đặt hàng: Đầy đủ.

b) Về số lượng, khối lượng sản phẩm so với đặt hàng: Đầy đủ.



c) Về sản phẩm khoa học đạt vượt hợp đồng; những đóng góp khoa học mới của nhiệm vụ (nếu có):

6.2. Về chất lượng sản phẩm và giá trị khoa học, giá trị thực tiễn của các kết quả thực hiện nhiệm vụ

6.3. Kết quả đánh giá xếp loại chung của nhiệm vụ:

a) Kết quả đánh giá, xếp loại của Hội đồng ở mức sau (đánh ✓ vào ô tương ứng):

Xuất sắc                       Đạt                       Không đạt

b) Phần luận giải của hội đồng khoa học về kết quả đánh giá, xếp loại (chọn ✓ vào ô tương ứng và luận giải):

Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại "xuất sắc" bởi những lý do cụ thể dưới đây:

Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại "đạt" bởi những lý do cụ thể dưới đây: *Thực hiện đủ chủ loại, số lượng sản phẩm theo ĐC*

Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại "không đạt" bởi những lý do cụ thể dưới đây:

Những nội dung đã thực hiện và chưa thực hiện theo hợp đồng:

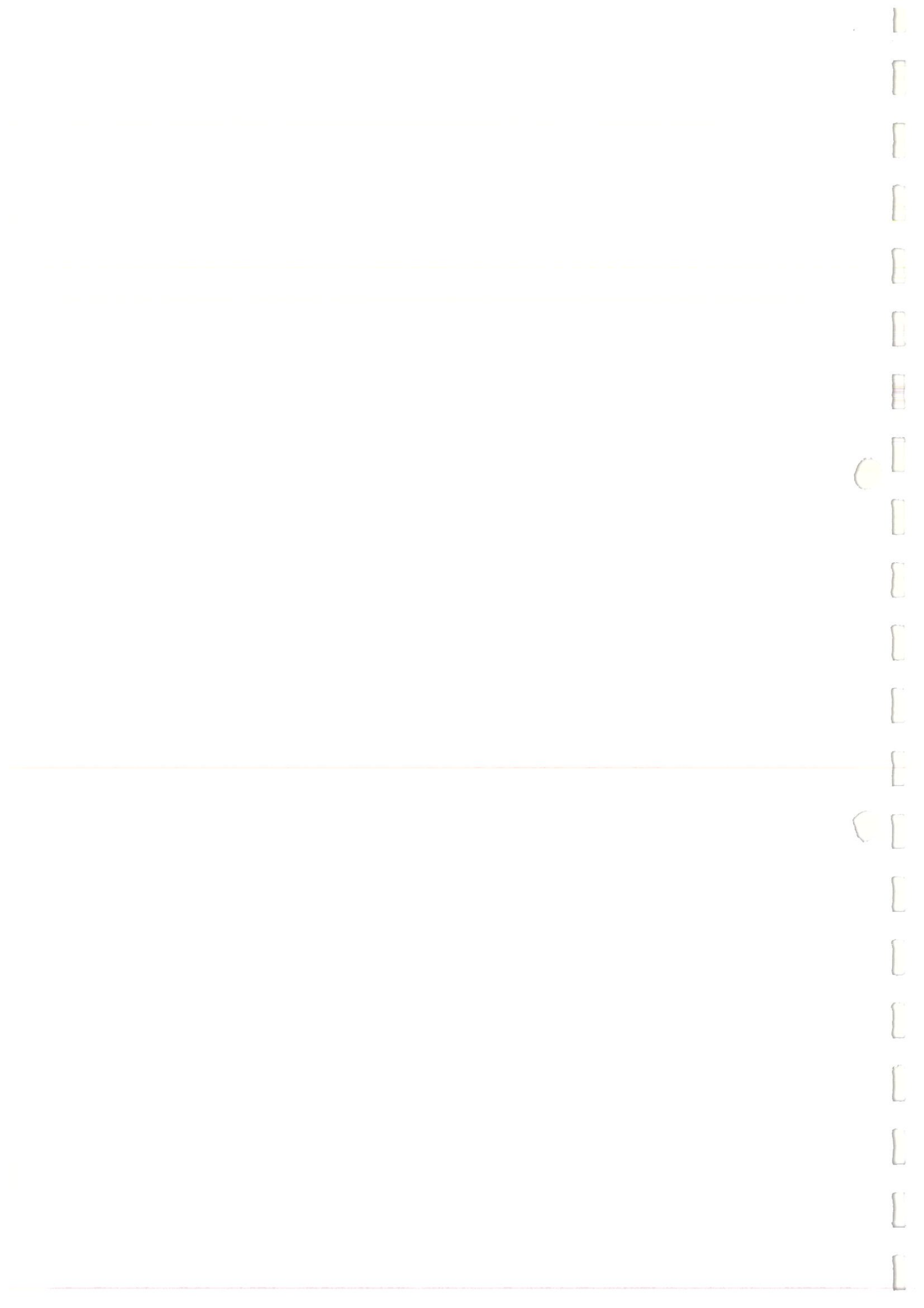
- *Đã thực hiện đủ các nội dung theo hợp đồng.*

6.4. Kiến nghị của Hội đồng:

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt ở những vấn đề sau (nếu có):

b) Bộ chủ trì nhiệm vụ nghiệm thu các sản phẩm dưới đây:

Danh mục sản phẩm khoa học đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và hợp đồng:





STT	Tên sản phẩm	Ghi chú
1	Cao định chuẩn từ phân đoạn giàu oxostephanin đạt tiêu chuẩn cơ sở	16,5 kg (75% Oxostephanin)
2	Viên nang cứng 500 mg	30.000 viên
3	Oxostephanin	4000 mg
4	Quy trình chiết xuất, bào chế cao định chuẩn quy mô 50 kg dược liệu/mẻ × 3 mẻ để tạo ra cao định chuẩn 5kg/mẻ × 3 mẻ	01 qui trình
5	Quy trình bào chế viên nang quy mô 10.000 viên/mẻ × 3 mẻ	01 qui trình
6	Tiêu chuẩn cơ sở của dược liệu thân lá củ dôm (và thâm định độc lập)	01 tiêu chuẩn
7	Tiêu chuẩn cơ sở của cao định chuẩn giàu oxostephanin (và thâm định độc lập)	01 tiêu chuẩn
8	Tiêu chuẩn cơ sở của viên nang cứng bào chế từ cao định chuẩn (và thâm định độc lập)	01 tiêu chuẩn
9	Báo cáo bộ dữ liệu chất chuẩn đối chiếu oxostephanin	Đạt
10	Báo cáo đánh giá tác dụng ức chế dòng tế bào ung thư buồng trứng <i>in vitro</i> của cao định chuẩn.	Đạt
11	Báo cáo nghiên cứu cơ chế tác dụng gây độc tế bào <i>in vitro</i> của oxostephanin	Đạt
12	Báo cáo đánh giá độ ổn định của viên nang cứng trong điều kiện thường và điều kiện lão hóa cấp tốc	Đạt
13	Báo cáo đánh giá tác dụng ức chế dòng tế bào ung thư buồng trứng <i>in vitro</i> của viên nang cứng	Đạt
14	Báo cáo đánh giá tác dụng kháng ung thư buồng trứng của viên nang cứng trên chuột nude mang dòng tế bào ung thư buồng trứng người.	Đạt
15	Báo cáo kết quả đánh giá độc tính cấp và bán trường diễn của viên nang cứng.	Đạt
16	01 giải pháp hữu ích	01 đơn
17	Bài báo 1 (trong nước)	01 bài
18	Bài báo 2 (quốc tế)	01 bài
19	Tham gia đào tạo thạc sĩ	01
20	Tham gia đào tạo Tiến sĩ	01

c) Chuyển giao, sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ: *Đề nghị cấp đ/c n/c*  
 (nêu cụ thể cơ quan, địa chỉ áp dụng, sử dụng từng kết quả thực hiện nhiệm vụ)





d) Công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ: Có!

đ) Không công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Biên bản họp hội đồng được thông qua với sự thống nhất của các thành viên Hội đồng dự họp vào 16 ngày 29. tháng 12 năm..2023

**THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG**  
(Họ, tên và chữ ký)

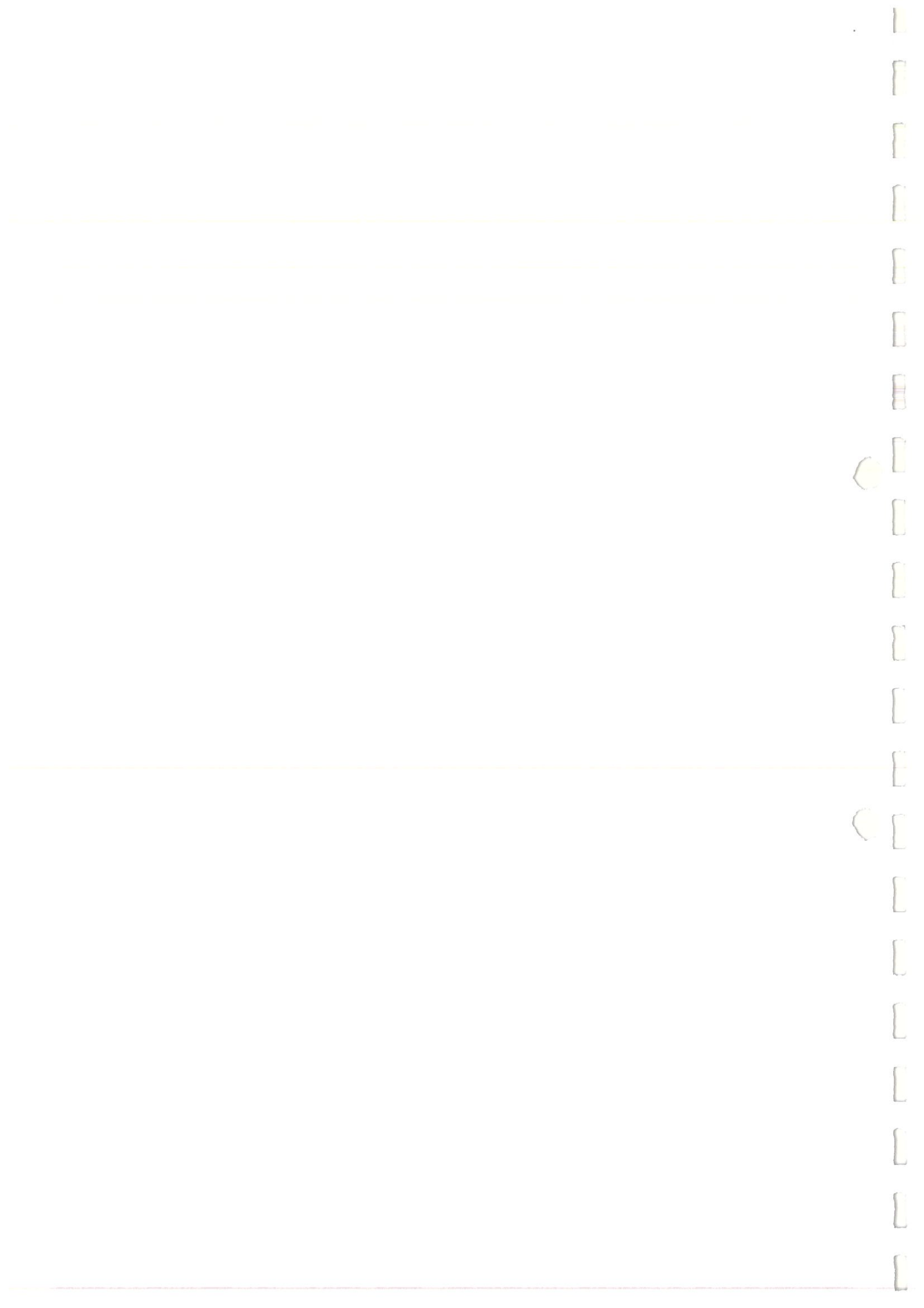


Đoàn Cao Sơn

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  
(Họ, tên và chữ ký)



Nguyễn Thuỳ Dung



CHI TIẾT Ý KIẾN CỦA TỪNG THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG KH&CN ĐÁNH GIÁ CẤP BỘ Y TẾ

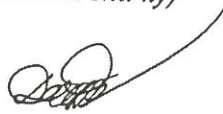
1. PGS.TS. Nguyễn Thị Hoài - UVVPB:

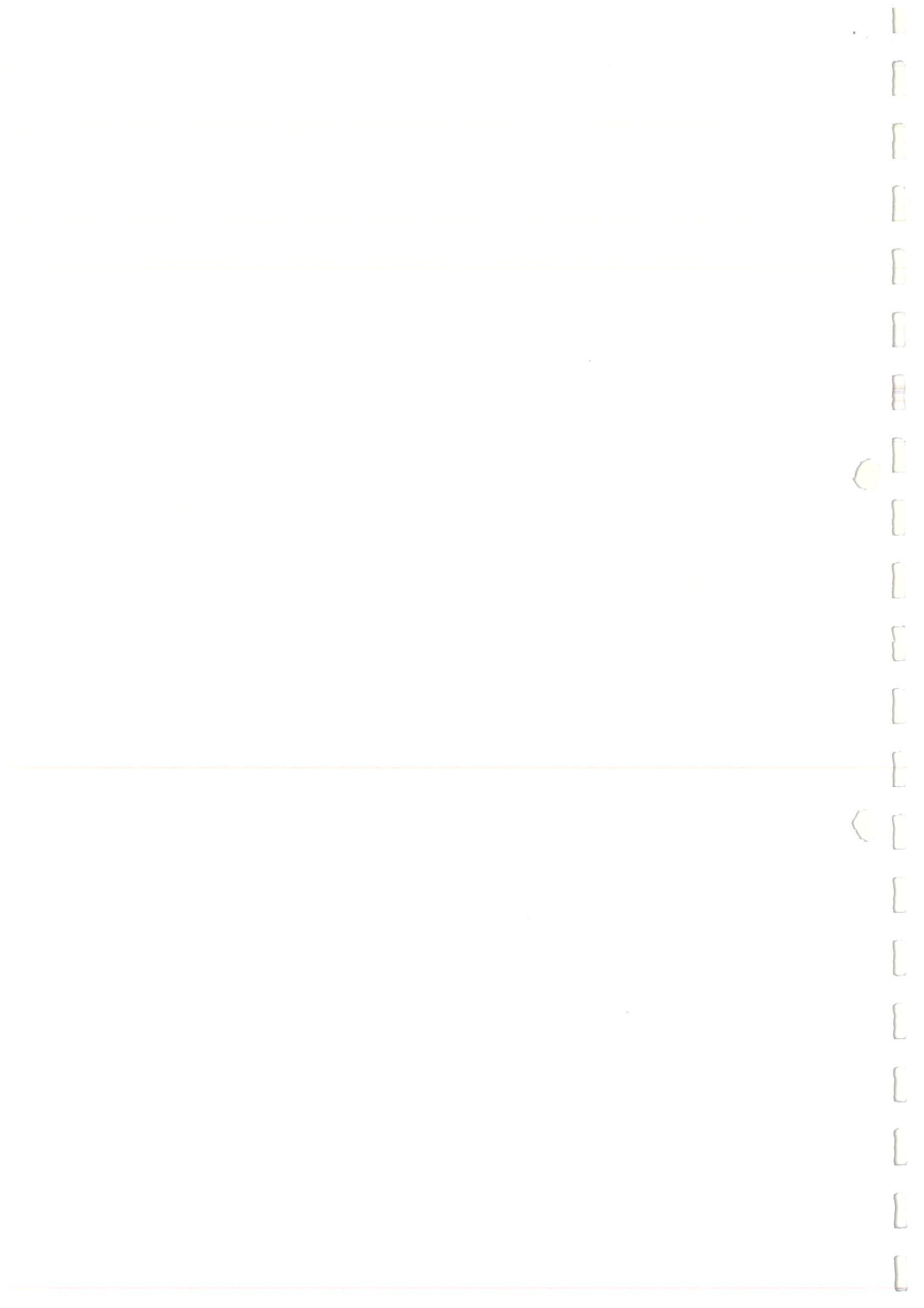
- Đã hoàn thiện các sản phẩm; có ý nghĩa KH cao.
- ⊖ Cao đẳng chưa? Chỉ cần đến chế tạo KH. → Lẽ Cao Đẳng chưa
- Chú ý đến thêm việc thực hành đầu BC Kê 4 tầm đất.
- Cơ chế không tạo cao: Không cần không chế thời gian.
- Thêm định p<sup>2</sup> phát triển trên Cao Đẳng sản xuất viên nang.
- p<sup>2</sup> đánh giá đi tán hoạt chất / duy trì (tray 69) → về.
- Xem lại các chế phẩm.
- Cần mô tả rõ p<sup>2</sup> đến khi chế xuất. Xem lại từ duy trì / dưới lên.
- ⊖ TCCG triển khai tại đơn vị phù hợp!
- ⊖ Chú ý liên hệ từ duy trì Cao Đẳng. Cần đổi liên hệ người.

2. PGS. Đào Thị Vui: UVVPB

- Đã hoàn thiện đủ các sản phẩm; có ý nghĩa Khoa học & thực tiễn. Bức vẽ rõ ràng, logic. Thiết kế rõ phù hợp.
- Nên bổ sung thông tin quan về các mô hình, phương pháp nghiên cứu.
- Nên nói rõ lý do nghiên cứu tiếp tục từ nghiên cứu dưới của chính nhóm nghiên cứu.
- Nghiên cứu từ duy, đặc biệt → Nên qui định về khối lượng Cao Đẳng.
- Nên nói rõ người giữ quyền vật thể nghiên cứu (chủ).
- Các số đề chế xuất nên làm rõ hơn.
- Cơ chế thực dụng: mô tả rõ cách tiến hành.

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG  
(Họ, tên và chữ ký)

  
Đoàn Cao Sơn





- Các đại ngy do thu' td in vdo nên viết thng' nhất.
- Sửa 1 s' l'oi' chit' h'oi', viết lại, thêm 1 s'oi' trang.

(2)

### 3. PGS. Vũ Thị Thu Giang - UV

- Về kế thừa quyền lợi cho Bào chế nang, thiết bị nung qui mô.
- Về phương pháp sản xuất tác dụng ức chế KH<sub>2</sub>O<sub>4</sub>.
- Thử nhất danh pháp & ngy' d'oi' Cơn (Ethanol).
- Làm ss loại đã được bào chế nang; viết chon' có nang.
- Đề cng' thẩm định qui định này cấp qui mô lên 10.000 viên/mô?
- Các hình ảnh hồ sơ, khô' theo dõi.

### 4. PGS. Đỗ Thị Hòa:

- Thuộc hien' đui' các sản phẩm theo đề cng'.
- Hiện suất chiết cao? Liều tng' & KCT? Liều qui định?
- Tỷ quan cấp nhất hơn; phụ lục nên xuất ss'; hình ảnh hình ảnh in đến khô' theo dõi.
- Về lại bào chế form lại. Các qui tng' chiết xuất nên viết ss' sng' các bước, các thng' ss'.
- Nên hien' thêm test hien' chit'.

### 5. PGS. Đoàn Cao Sơn:

- Đã thực hien' đui' các ngy' dung & sản phẩm theo đề cng'.
- TCS Viên nên qui hãm li'ng' về 1 kg nang.
- Phương pháp thu' trong TCS nên chọn theo 1 tài liệu.

### 6. PGS. Nguyễn Thu'ng' Dong: CT, H.A.

- Đánh giá cao KQ cng' tế s'oi', y' nghĩa KH & thực tiễn.
- Chú ý viết hình hien' đui' tri' đ'oi' thu' tác dụng.
- Viên nang nên qui về 300 mg, cao trên chuẩn.
- Chú ý viết cao Dược liệu, viết bào chế viên nang.
- Làm ss' li'ng' thu' KCT & làm ss' căn cứ để xuất hãm li'ng' cho cao.



Số: 3025 /QĐ-HVYDCT

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

## Về việc giao đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2023

## GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 05 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-HVYDCT ngày 23 tháng 06 năm 2023 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao đề tài nghiên cứu Khoa học cấp cơ sở năm 2023 của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam cho chủ nhiệm đề tài: TS. Trần Thị Thu Hiền (chi tiết kèm theo).

Tên đề tài: Xây dựng quy trình chiết xuất saponin toàn phần từ rễ cây Dung lá táo (*Symplocos paniculata* Miq.) và đánh giá tác dụng chống viêm *in vitro*.

**Điều 2.** Kinh phí tổng: 17.292.000 đồng (Mười bảy triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Trong đó, từ nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước (nguồn thu của đơn vị) là 4.999.000 đồng (Bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng); nguồn ngoài ngân sách nhà nước là 12.293.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm chín mươi ba nghìn đồng).

**Điều 3.** Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm thực hiện đề tài theo thuyết minh đã được phê duyệt.





**Điều 4.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các ông (bà) Trưởng phòng: Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tài chính kế toán và ông (bà) có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, KHQT.



CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Phạm Thị Thu Nga*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ Y TẾ  
HỌC VIỆN Y DƯỢC VIỆT NAM



ĐANH SÁCH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ NĂM 2023  
(Kèm theo Quyết định số: 325 /QĐ-HVYDCT ngày 30 tháng 10 năm 2023  
của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên và CNĐT	Nguồn Ngân sách nhà nước				Cộng	Nguồn ngoài ngân sách nhà nước	Tổng cộng
		Trả công lao động	Chi khác		Chi khác			
			Hội đồng đánh giá phòng ban (bộ môn)	Quản lý NV Khoa học và công nghệ				
1	Xây dựng quy trình chiết xuất saponin toàn phần từ rễ cây Dung lá táo ( <i>Symplocos paniculata Miq.</i> ) và đánh giá tác dụng chống viêm <i>in vitro</i> . CNĐT: TS Trần Thị Thu Hiền	4.749.000	0.0	250.000	0.0	4.999.000	12.293.000	17.292.000

Bảng chú: Mười bảy triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng.



P





Số: 968 /QĐ-HVYDCT

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công nhận kết quả nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2024

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu đề tài ngày 28 tháng 3 năm 2024 kèm theo Quyết định số 932/QĐ-HVYDCT ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc thành lập Hội đồng Khoa học nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2024: “Xây dựng quy trình chiết xuất saponin toàn phần từ rễ cây Dung lá táo (*Symplocos paniculata* Miq.) và đánh giá tác dụng chống viêm *in vitro*”.

Chủ nhiệm đề tài: TS. Trần Thị Thu Hiền

Thành viên nhóm nghiên cứu: PGS.TS Nguyễn Quốc Huy; Sinh viên Nguyễn Thị Huyền Trang; Sinh viên Nguyễn Ngọc Mai Anh; Sinh viên Nguyễn Vũ Quỳnh Anh; Sinh viên Nguyễn Thị Thủy Tiên.

Kết quả: Đạt.

Với sản phẩm bao gồm:

- 01 bản tài liệu báo cáo nghiệm thu;

- Quyết định, biên bản của Hội đồng về kết quả nghiệm thu.

**Điều 2.** Sản phẩm nghiên cứu được lưu tại phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

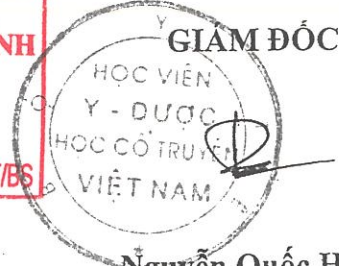
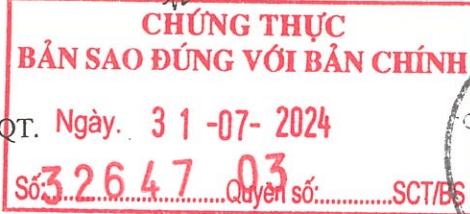
**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chủ nhiệm đề tài, các thành viên nhóm nghiên cứu, các ông (bà) Trưởng phòng: Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tài chính kế toán, Tổ chức cán bộ và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, KHQT. Ngày. 31-07-2024

Số 32647/03 Quyển số: .....SCT/BS



Nguyễn Quốc Huy



CÔNG CHỨNG VIÊN  
Phạm Thị Thu Nga

Số: 99 /QĐ-HVYDCT

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công nhận kết quả nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2024

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 481/NQ-HĐTHVYDHCCTVN ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu đề tài ngày 28 tháng 3 năm 2024 kèm theo Quyết định số 933/QĐ-HVYDCT ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc thành lập Hội đồng Khoa học nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2024: “Xây dựng quy trình chiết xuất flavonoid toàn phần từ lá cây Dung lá táo (*Symplocos paniculata* Miq.) và đánh giá tác dụng chống oxy hóa *in vitro*”.

Chủ nhiệm đề tài: TS. Trần Thị Thu Hiền

Thành viên nhóm nghiên cứu: PGS.TS Nguyễn Quốc Huy; Sinh viên Nguyễn Thị Hồng Ngọc; Sinh viên Lê Thị Huyền Trang; Sinh viên Phùng Thị Thanh Xuân; Sinh viên Lê Thái.

Kết quả: Đạt.

Với sản phẩm bao gồm:

- 01 bản tài liệu báo cáo nghiệm thu;



- Quyết định, biên bản của Hội đồng về kết quả nghiệm thu.

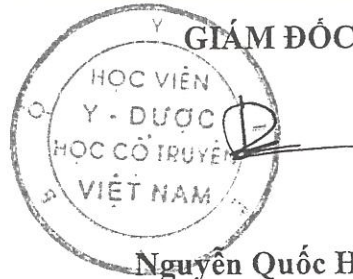
**Điều 2.** Sản phẩm nghiên cứu được lưu tại phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chủ nhiệm đề tài, các thành viên nhóm nghiên cứu, các ông (bà) Trưởng phòng: Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tài chính kế toán, Tổ chức cán bộ và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /..M/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, KHQT.



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
*Phạm Thị Thu Nga*



Số: 3250 /QĐ-HVYDCT

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2023**

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 05 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-HVYDCT ngày 23 tháng 06 năm 2023 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao đề tài nghiên cứu Khoa học cấp cơ sở năm 2023 của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam cho chủ nhiệm đề tài: TS. Trần Thị Thu Hiền (chi tiết kèm theo).

Tên đề tài: Xây dựng quy trình chiết xuất flavonoid toàn phần từ lá cây Dung lá táo (*Symplocos paniculata* Miq.) và đánh giá tác dụng chống oxy hóa *in vitro*.

**Điều 2.** Kinh phí tổng: 13.947.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng)

Trong đó, từ nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước (nguồn thu của đơn vị) là 4.999.000 đồng (Bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng); nguồn ngoài ngân sách nhà nước là 8.948.000 đồng (Tám triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

**Điều 3.** Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm thực hiện đề tài theo thuyết minh đã được phê duyệt.



**Điều 4.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các ông (bà) Trưởng phòng: Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tài chính kế toán và ông (bà) có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, KHQT.

**CHỨNG THỰC**  
**BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày. 31-07-2024

Số: 2632 Quyển số: SC7/BS

**GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Quốc Huy



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
*Phạm Thị Thu Nga*

BỘ Y TẾ  
HỌC VIỆN Y-DHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 220/QĐ-HVYDCT ngày 13 tháng 11 năm 2023

của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên và CNĐT	Trả công lao động	Nguồn Ngân sách nhà nước				Cộng	Nguồn ngoài ngân sách nhà nước	Tổng cộng
			Hội đồng đánh giá phòng ban (bộ môn)	Chi khác	Quản lý NV Khoa học và công nghệ	Chi khác			
1	Xây dựng quy trình chiết xuất flavonoid toàn phần từ lá cây Dung lá táo ( <i>Symplocos paniculata</i> Miq.) và đánh giá tác dụng chống oxy hóa <i>in vitro</i> . CNĐT: TS Trần Thị Thu Hiền	4.749.000	0.0	250.000	0.0	4.999.000	8.948.000	13.947.000	

Bảng chữ: Mười ba triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng.







Số: 1205 /QĐ-HVYDCT

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc giao đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2023

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y – DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao đề tài nghiên cứu Khoa học cấp cơ sở năm 2023 của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam cho chủ nhiệm đề tài: ThS. Trần Thị Thu Hiền (danh sách chi tiết kèm theo).

Tên đề tài: Định lượng alkaloid toàn phần và đánh giá tác dụng chống viêm *in vitro* của loài Thạch căn thảo (*Pilea spl.*) thu hái tại Cao Bằng.

**Điều 2.** Kinh phí thực hiện đề tài từ nguồn thu của đơn vị: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

**Điều 3.** Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm thực hiện đề tài theo thuyết minh đã được phê duyệt.

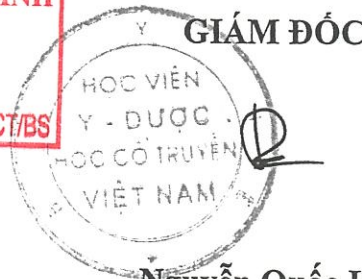
**Điều 4.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các ông (bà) Trưởng phòng: Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tài chính kế toán và ông (bà) có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, KHQT.

Ngày: 31-07-2024

Số: 3264/QĐ-HVYDCTVN/CT/BS



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
Phạm Thị Thu Nga



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ Y TẾ  
HỌC VIỆN YDHC VIỆT NAM



**DANH SÁCH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số: 1205/QĐ-HVYDCT ngày 15 tháng 5 năm 2023

của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên và CNĐT	Trả công lao động	Chi khác			Tổng kinh phí
			Hội đồng đánh giá phòng ban (bộ môn)	Quản lý NV Khoa học và công nghệ	Chi khác	
1	Định lượng alcaloid toàn phần và đánh giá tác dụng chống viêm <i>in vitro</i> của loài Thạch căn thảo ( <i>Pilea sp1.</i> ) thu hái tại Cao Bằng. CNĐT: ThS. Trần Thị Thu Hiền	4.097.500	500.000	250.000	152.500	5.000.000
<b>Tổng cộng</b>						5.000.000

Bảng chữ: Năm triệu đồng./.

b

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công nhận kết quả nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2023

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu đề tài ngày 15 tháng 9 năm 2023 kèm theo Quyết định số 2489/QĐ-HVYDCT ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc thành lập Hội đồng Khoa học nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở;

Theo đề nghị của Trường phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2023: “Định lượng alkaloid toàn phần và đánh giá tác dụng chống viêm in vitro của loài Thạch cân thảo (Pilea sp1.) thu hái tại Cao Bằng”.

Chủ nhiệm đề tài: TS. Trần Thị Thu Hiền.

Thành viên nhóm nghiên cứu: PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy; ThS. Nguyễn Thị Hiền; ThS. Đỗ Thị Hồng Sâm; ThS. Đinh Thị Cẩm Tú.

Kết quả: Đạt.

Với sản phẩm bao gồm:

- 01 bản tài liệu báo cáo nghiệm thu;
- Quyết định, biên bản của Hội đồng về kết quả nghiệm thu.



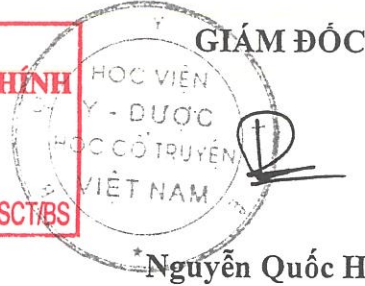


Điều 2. Sản phẩm nghiên cứu được lưu tại phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

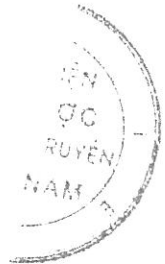
Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các ông (bà) Trưởng phòng: Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tài chính kế toán, Tổ chức cán bộ, các đơn vị có liên quan, Chủ nhiệm đề tài và các thành viên nhóm nghiên cứu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHQT.



CÔNG CHỨNG VIÊN  
Phạm Thị Thu Nga







Số: 1204 /QĐ-HVYDCT

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2023**

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y – DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao đề tài nghiên cứu Khoa học cấp cơ sở năm 2023 của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam cho:

Chủ nhiệm đề tài: Sinh viên Lương Thị Lan  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thu Hiền  
(danh sách chi tiết kèm theo).

Tên đề tài: Bước đầu nghiên cứu đặc điểm thực vật và thành phần hóa học của loài Thạch căn thảo (*Pilea sp1.*) thu hái tại Cao Bằng.

**Điều 2.** Kinh phí thực hiện đề tài từ nguồn thu của đơn vị: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

**Điều 3.** Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm thực hiện đề tài theo thuyết minh đã được phê duyệt.

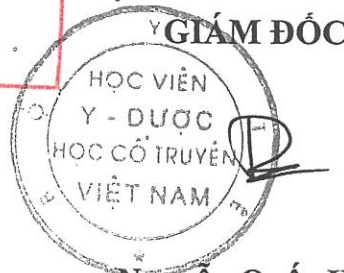
**Điều 4.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các ông (bà) Trưởng phòng: Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tài chính kế toán và ông (bà) có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, KHQT.



Ngày: 22-08-2024



Nguyễn Quốc Huy

PHỤ TRÁCH PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP  
Nguyễn Vinh Huy Chính



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số: 1204/QĐ-HVYDCT ngày 15 tháng 5 năm 2023

của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên và CNĐT	Trả công lao động	Chi khác			Tổng kinh phí
			Hội đồng đánh giá phòng ban (bộ môn)	Quản lý NV Khoa học và công nghệ	Chi khác	
1	Bước đầu nghiên cứu đặc điểm thực vật và thành phần hóa học của loài Thạch cân thảo ( <i>Pilea sp.</i> ) thu hái tại Cao Bằng. CNĐT: Sinh viên Lương Thị Lan GVHD: ThS. Trần Thị Thu Hiền	4.097.500	500.000	250.000	152.500	5.000.000
<b>Tổng cộng</b>						<b>5.000.000</b>

Bảng chữ: Năm triệu đồng./.

Số: 2908/QĐ-HVYDCT

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công nhận kết quả nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học  
cấp cơ sở năm 2023

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu đề tài ngày 22 tháng 9 năm 2023 kèm theo Quyết định số 2591/QĐ-HVYDCT ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc thành lập Hội đồng Khoa học nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2023: “Bước đầu nghiên cứu đặc điểm thực vật và thành phần hóa học của loài Thạch căn thảo (*Pilea sp1.*) thu hái tại Cao Bằng”.

Chủ nhiệm đề tài: Sinh viên Lương Thị Lan.

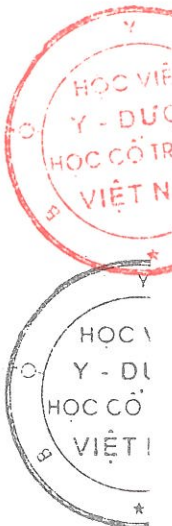
Giảng viên hướng dẫn: TS. Trần Thị Thu Hiền

Thành viên nhóm nghiên cứu: PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy; Sinh viên Nguyễn Thị Hồng Ngọc; sinh viên Đặng Thị Nhung; sinh viên Nguyễn Phương Thảo.

Kết quả: Đạt.

Với sản phẩm bao gồm:

- 01 bản tài liệu báo cáo nghiệm thu;







- Quyết định, biên bản của Hội đồng về kết quả nghiệm thu.

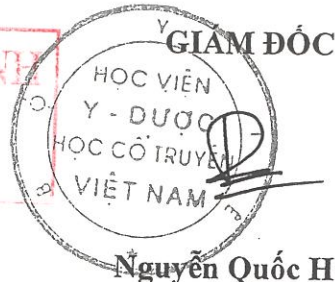
**Điều 2.** Sản phẩm nghiên cứu được lưu tại phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các ông (bà) Trưởng phòng: Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tài chính kế toán, Tổ chức cán bộ, các đơn vị có liên quan, Chủ nhiệm đề tài và các thành viên nhóm nghiên cứu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHQT.

**SAO Y BẢN CHÍNH**  
Ngày: 22-08-2024



Nguyễn Quốc Huy



PHỤ TRÁCH PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP  
Nguyễn Vinh Huy Chính







TẠP CHÍ

# Y DƯỢC CỔ TRUYỀN Việt Nam

JOURNAL OF TRADITIONAL VIETNAMESE MEDICINE AND PHARMACY

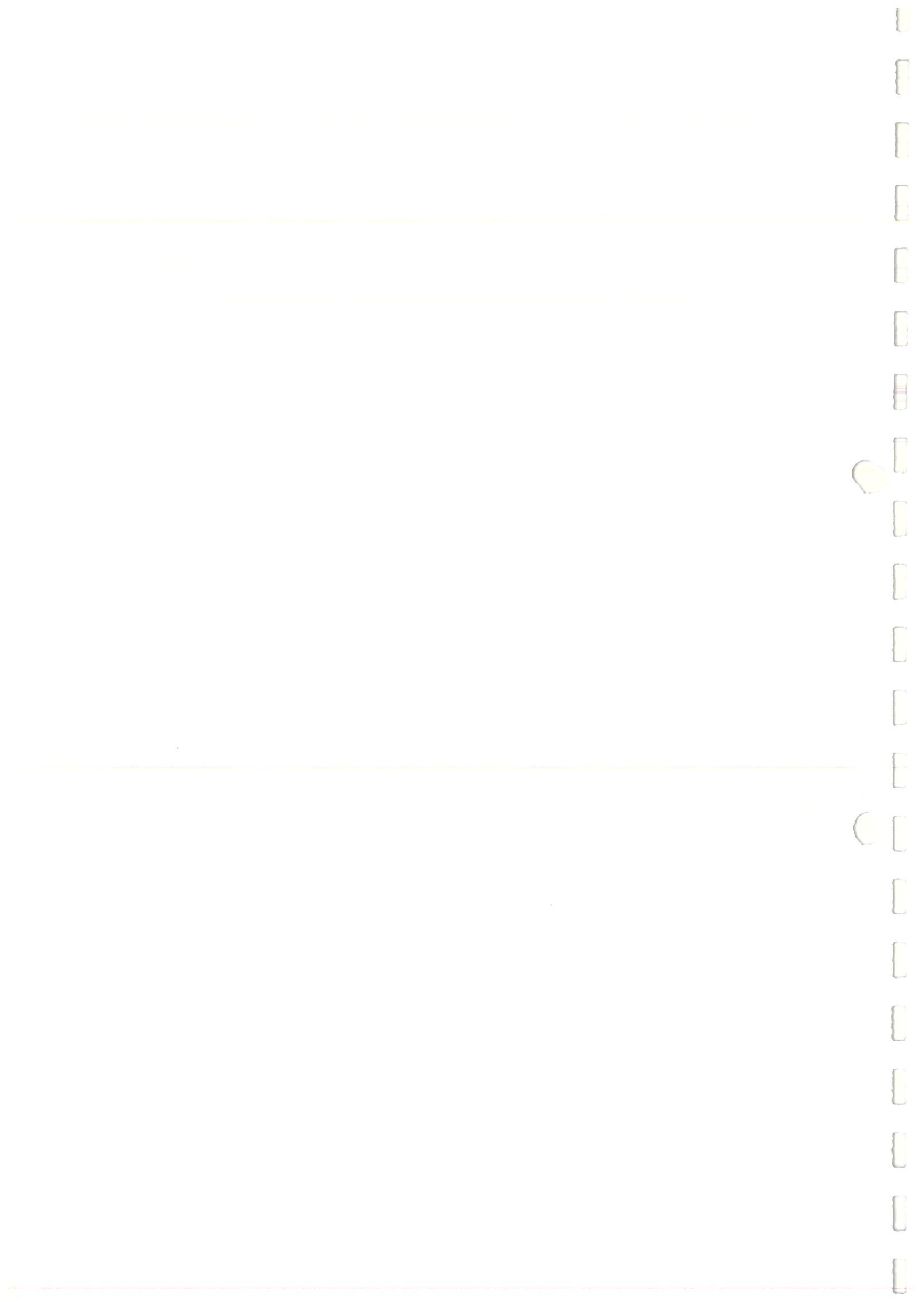
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

ISSN 2354-1334



Địa chỉ: Số 2, Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội  
Tel: 84-243-3824929 \* Fax: 84-243-3824931 - Website: <http://www.vutm.edu.vn>

**Số 04(37)**  
**2021**





**42** Thực trạng chăm sóc sức khỏe bằng Y học cổ truyền tại một số trạm y tế, tỉnh Hưng Yên năm 2020

Current status of using traditional medicine in health care at some commune health stations, Hung Yen province in 2020

Luu Minh Chau<sup>1</sup>, Dinh Van Tai<sup>1</sup>, Do Thi Phuong<sup>2</sup>, Nguyen Thanh Tu<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

<sup>2</sup>Trường Đại học Y Hà Nội

**48** Hiệu quả điều trị viêm âm đạo bằng phương pháp kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh

The effective treatment of vaginitis by traditional medicine combined with modern medicine method at Tue Tinh Hospital

Mai Anh Đức, Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Khắc Điền

Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

**53** Xây dựng phương pháp định lượng và theo dõi độ ổn định của oxostephanin trong thân lá cây củ dền (*Stephania Dielsiana* Y. C. Wu) trong thời gian bảo quản

Method for the quantification and monitoring of the stability of oxostephanin in the stems and leaves of *Stephania dielsiana* Y. C. Wu in the storage time

Trần Thị Thu Hiền<sup>1</sup>, Nguyễn Quốc Huy<sup>1</sup>, Hoàng Lê Sơn<sup>2</sup>

Lê Thị Kim Vân<sup>2</sup>, Đào Thị Diễm<sup>1</sup>, Phạm Đoàn Anh Ninh<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

<sup>2</sup>Viện Dược Liệu

<sup>3</sup>Trường Cao đẳng Quân y 2 - Quận khu 7

**59** Thực trạng nhiễm giun truyền qua đất của học sinh lớp 3 và 4 tại 3 xã huyện Tân Sơn tỉnh Phú Thọ năm học 2018 - 2019

Current status of *Ascaris lumbricoides*, *Trichuris trichiura* and *Necator americanus*/*Ancylostoma duodenale* of pupils in grades 3-4 in 3 communes of Lam Thao district, Phu Tho province in the school year 2018-2019

Lê Trường Giang<sup>1</sup>, Đoàn Trọng Trung<sup>2</sup>, Lê Thị Tuyết<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Học viện cao học

<sup>2</sup>Đại học Y Thái Bình

<sup>3</sup>Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

**65** Thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống sốt xuất huyết ở sinh viên năm thứ 2 (năm học 2020 - 2021) tại Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

Current situation of knowledge, attitudes and practice of dengue prevention among 2nd year students (year 2020-2021) at the Vietnam University of Traditional Medicine

Lê Thị Tuyết<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Thu Hằng<sup>1</sup>, Lê Trường Giang<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

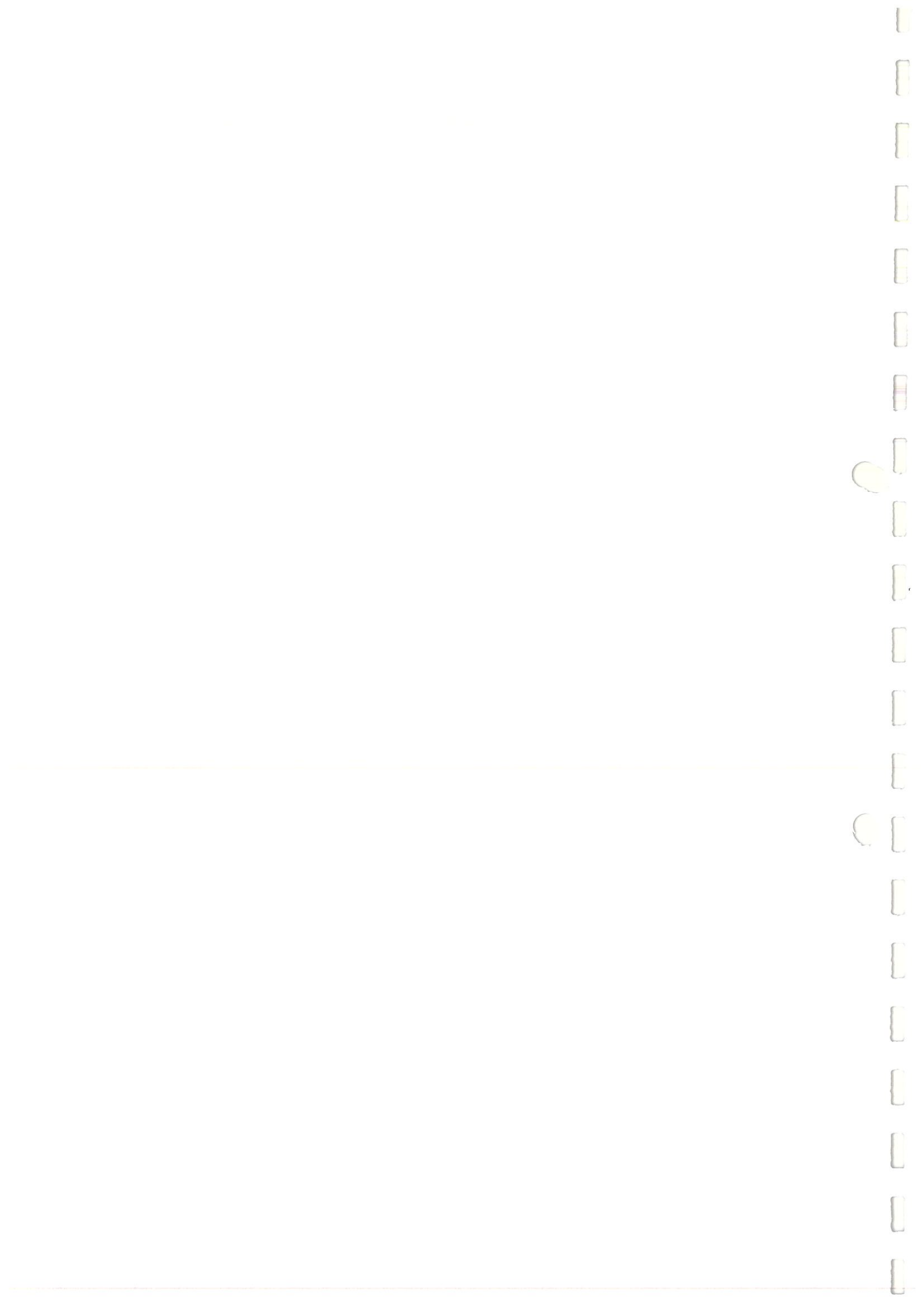
<sup>2</sup>Bệnh viện Đa khoa khoa Hà Đông

**71** Xây dựng danh mục tương tác thuốc-thuốc sử dụng tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh năm 2019 - 2020

Establishing the lists of drug - drug interactions have been using at Tue Tinh hospital in 2019 - 2020

Bùi Thị Hào, Tống Mai Vân

Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam







# Xây dựng phương pháp định lượng và theo dõi độ ổn định của oxostephanin trong thân lá cây củ dền (*Stephania Dielsiana* Y. C. Wu) trong thời gian bảo quản

METHOD FOR THE QUANTIFICATION AND MONITORING  
OF THE STABILITY OF OXOSTEPHANIN IN THE STEMS AND LEAVES  
OF *STEPHANIA DIELSIANA* Y. C. WU IN THE STORAGE TIME

Trần Thị Thu Hiền<sup>1</sup>, Nguyễn Quốc Huy<sup>1</sup>, Hoàng Lê Sơn<sup>2</sup>  
Lê Thị Kim Vân<sup>3</sup>, Đào Thị Diễm<sup>1</sup>, Phạm Đoàn Anh Ninh<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam;

<sup>2</sup>Viện Dược Liệu

<sup>3</sup>Trường Cao đẳng Quân y 2 - Quận Khu 7

## TÓM TẮT

Phương pháp định lượng oxostephanin trong thân lá củ dền (*Stephania dielsiana* Y.C.Wu) bằng phương pháp đo quang UV-Vis tại bước sóng hấp thụ cực đại 414nm. Phương pháp xây dựng đã được thẩm định, các chỉ tiêu đạt yêu cầu, đảm bảo phương pháp có thể áp dụng định lượng oxostephanin trong thân lá củ dền.

Đã áp dụng phương pháp định lượng để theo dõi độ ổn định của oxostephanin trong quá trình bảo quản, sơ chế. Hàm lượng oxostephanin có sự thay đổi khi tiến hành sấy ở các nhiệt độ sấy khác nhau và trong thời gian bảo quản khác nhau. Kết quả cho thấy nhiệt độ sấy tối đa khuyến cáo là 60°C và dược liệu sau khi thu hái nên được chiết ngay hoặc tối đa khoảng 4 tuần bảo quản.

**Từ khóa:** Độ ổn định, *Stephania dielsiana* Y.C. Wu, UV-Vis.

## SUMMARY

Quantitative method of oxostephanin in the stems and leaves of *S.dielsiana* by UV-Vis photometric method at the maximum absorption wavelength of 414 nm. The method has been validated, the criteria are satisfactory, ensuring that the method can be quantitatively applied to oxostephanin in the stems and leaves.

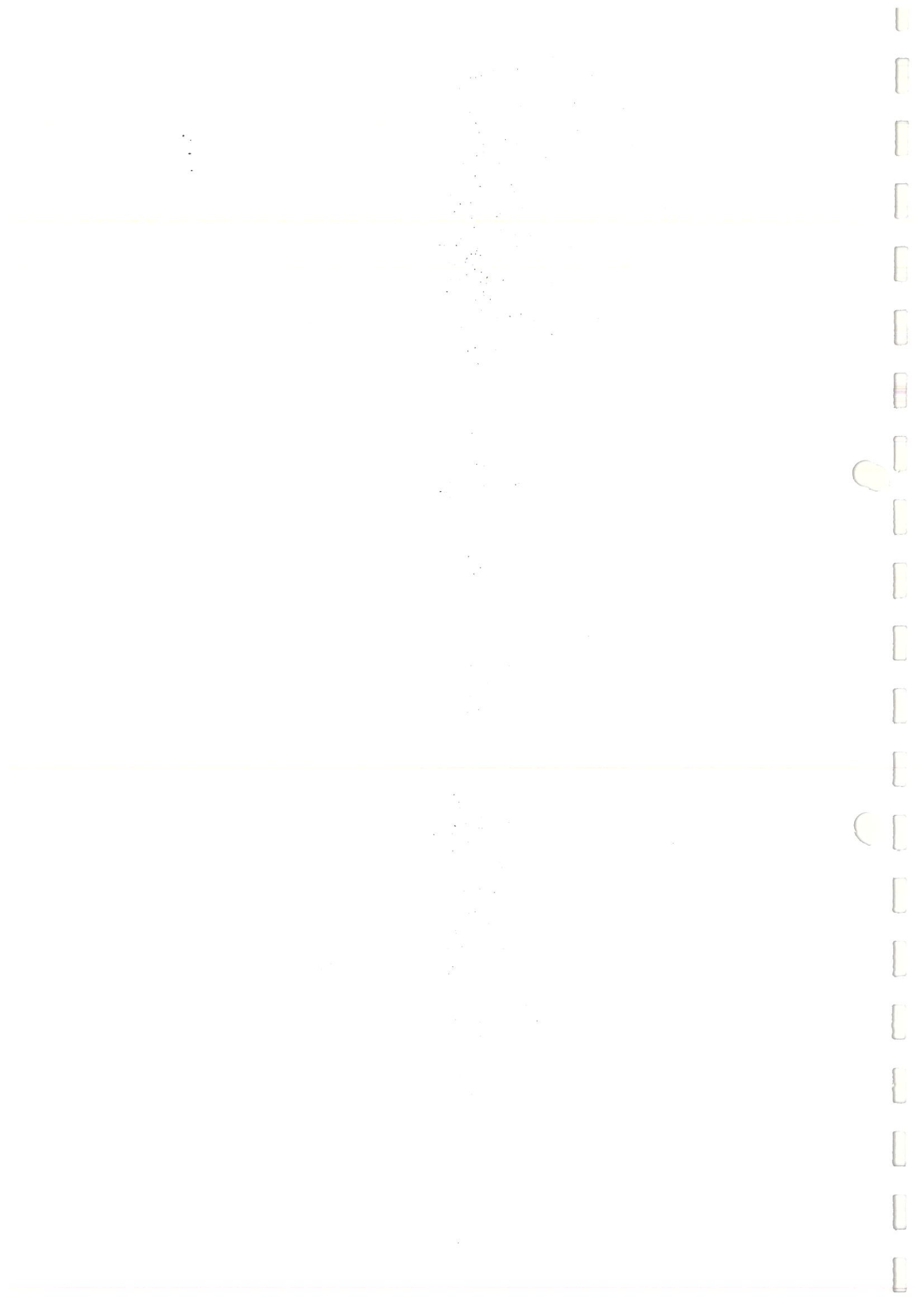
Quantitative method has been applied to monitor the stability of oxostephanin during storage and preliminary processing. The oxostephanin content changed when drying at different drying temperatures and during different storage times. The results show that the maximum recommended drying temperature is 60°C and the medicinal herbs should be extracted immediately or stored for up to 4 weeks

**Keywords:** độ ổn định, *Stephania dielsiana* Y.C. Wu, UV-Vis.

Ngày nhận t.đ: 28/5/2021

Ngày phản biện: 31/5/2021

Ngày chấp nhận đăng: 2/6/2021





Bảng 7. Kết quả khảo sát sự thay đổi hàm lượng oxostephanin trong thân, lá củ dền trong thời gian bảo quản.

Thời gian bảo quản (tuần)	Hàm ẩm (%)	Khối lượng cân (g)	Độ hấp thụ A	Nồng độ (µg/ml)	Hàm lượng oxostephanin (%)	Tỷ lệ giảm hàm lượng oxostephanin (%)
1	3,769	1,0013	0,498	49,840	0,052	0
2	3,768	1,0015	0,490	49,168	0,051	1,92
4	3,669	1,0015	0,475	47,907	0,050	3,84
6	3,665	1,0018	0,419	43,204	0,045	13,46
8	3,650	1,0016	0,315	34,463	0,036	30,77
16	3,558	1,0012	0,159	21,354	0,022	57,69

Trong quá trình bảo quản dược liệu củ dền ở điều kiện thường trong khoảng thời gian 16 tuần, nhận thấy hàm lượng oxostephanin đo được có giá trị giảm dần. Do vậy, dược liệu sau khi thu hái nên được chiết ngay hoặc tối đa khoảng 4 tuần bảo quản.

### KẾT LUẬN

Phương pháp định lượng bằng phương pháp đp quang UV-Vis đã được xây dựng để định lượng hàm lượng oxostephanin trong thân, lá cây củ dền.

Phương pháp xây dựng đã được thẩm định, các chỉ tiêu đạt yêu cầu, đảm bảo phương pháp có thể áp dụng định lượng oxostephanin trong thân, lá củ dền.

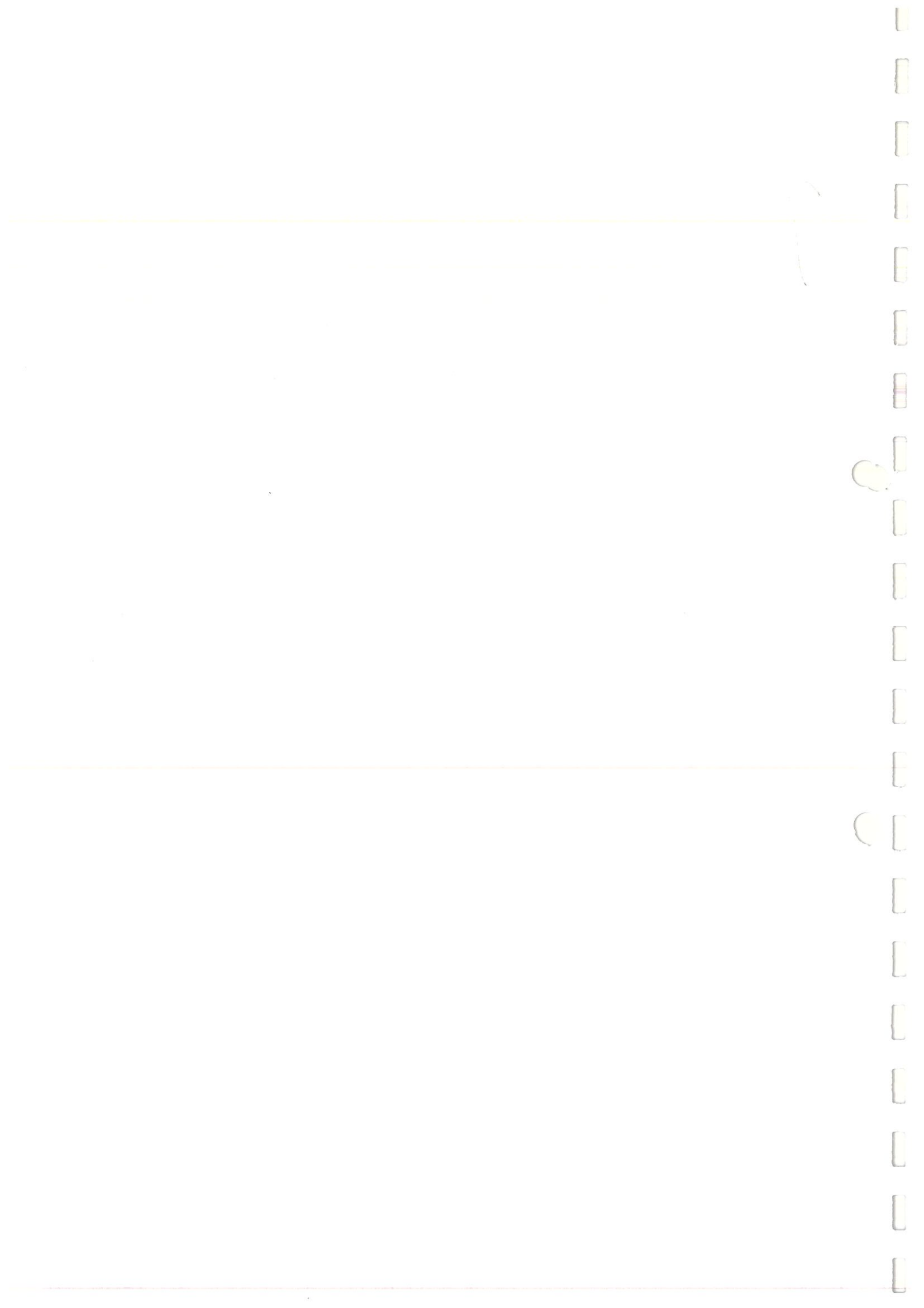
Đã áp dụng phương pháp định lượng để theo dõi độ ổn định của oxostephanin trong quá trình bảo quản, sơ chế. Hàm lượng oxostephanin có sự thay đổi khi tiến hành sấy ở các nhiệt độ sấy khác nhau và trong thời gian bảo quản khác nhau. Kết quả cho thấy nhiệt độ sấy tối đa khuyến cáo là 60°C và dược liệu sau khi thu hái nên được chiết ngay hoặc tối đa khoảng 4 tuần bảo quản.

### LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này là một phần được tài trợ bởi Đề tài NCKH cấp Bộ Y tế phê duyệt theo Quyết định 2721/QĐ-BYT ngày 28/6/2019.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Quốc Huy (2010), *Nghiên cứu về thực vật, thành phần hóa học, một số tác dụng sinh học của một số loài thuộc chi Stephania Lour. ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Dược học, ĐH Dược Hà Nội, Hà Nội.
2. Nguyễn Quốc Huy (2015), "Đánh giá tác dụng ức chế một số dòng tế bào ung thư của các chất tinh khiết phân lập từ loài *Stephania dielsiana* Y. C. Wu", *Tạp chí Dược học*, số 1/2015, tr. 28 - 31.
3. Nguyễn Quốc Huy, Phạm Thanh Kỳ, Nguyễn Trọng Thông, Trần Thanh Tùng (2009), "Nghiên cứu tác dụng giảm đau, chống viêm của loài *Stephania dielsiana* Y.C.Wu", *Tạp chí Dược học*, tập 14, số 6/2009, tr. 292 - 297.
4. Nguyễn Vũ Minh, Nguyễn Quốc Huy, Phạm Thanh Kỳ, Nguyễn Đức Toàn, Đỗ Thị Bích Thuận, Trương Đức Mạnh, Ngô Văn Tuyên (2014), "Định lượng oxostephanin trong củ dền (*Stephania dielsiana* Y.C.Wu) bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao", *Tạp chí Dược học*, tháng 4 năm 2014, số 457, tr. 54.



## Study the therapeutic effect of capsule CTHePaB on nude mice carrying human hepatocellular carcinoma cells infected with hepatitis B virus

**To Cite:**

Huu TD, Ha TT, Canh DX, Huy DQ, Tuyet LT, Binh PQ, Tam TTM, Tuyet NTB, Huy NQ, Minh DTH. Study the therapeutic effect of capsule CTHePaB on nude mice carrying human hepatocellular carcinoma cells infected with hepatitis B virus. *Medical Science*, 2021, 25(111), 1218-1224

**Author Affiliation:**

<sup>1</sup>Viet Nam University of Traditional Medicine, Ha Noi, Vietnam  
<sup>2</sup>National Hospital of Traditional Medicine, Ha Noi, Vietnam

**Corresponding author**

National Hospital of Traditional Medicine, Ha Noi, Vietnam  
 Email: phdtranthaiha@gmail.com

**Peer-Review History**

Received: 20 April 2021  
 Reviewed & Revised: 21/April/2021 to 15/May/2021  
 Accepted: 16 May 2021  
 Published: May 2021

**Peer-review Method**

External peer-review was done through double-blind method.

Tran Duc Huu<sup>1</sup>, Tran Thai Ha<sup>2✉</sup>, Dau Xuan Canh<sup>1</sup>, Doan Quang Huy<sup>1</sup>, Le Thi Tuyet<sup>1</sup>, Pham Quoc Binh<sup>1</sup>, Tran Thi Minh Tam<sup>1</sup>, Nguyen Thi Bach Tuyet<sup>1</sup>, Nguyen Quoc Huy<sup>1</sup>, Dinh Thi Hong Minh<sup>1</sup>

### ABSTRACT

**Objective:** To assess the effect the therapeutic effect of CTHePaB capsules on nude mice carrying human hepatocellular carcinoma cells (HCC) infected with hepatitis B virus (HBV). **Method:** Nude mice after HCC transplant Hep3B infected with HBV on the right thigh, appeared a tumor on the thigh on the 14th day of transplantation, had an average size of  $74,6 \pm 14,3$  mm<sup>3</sup>, randomly divided into 2 groups of 15 rats each and randomly divided into 3 lots (5 mice / lot): in the control group, drink 0.9% NaCl solution; Treatment, oral dose of CTHePaB 0.96g / kg / 24h; Reference batch, oral dose of 5FU 10mg / kg / 24h. Give the rats the drug according to the above division for 4 weeks. Group 1 used to evaluate the effect of research drugs on tumor size, survival / death rate; Average lifetime of the mouse. Group 2, used for splenectomy to evaluate the density of some immune cells and the HBV-DNA quantification of tumor cells. **Results:** CTHePaB capsules reduced the average tumor size compared to the control group, equivalent to that of the group using 5FU at dose of 10mg/kg/24h; Limiting the death rate of mice at the evaluation points 70, 76, 85, 90 days after taking the drug compared to the control group and on 85, 90 days, compared with the reference group; increases average survival time of mice; Increased number of NK cells, Macrophage cells and DC cells in mouse spleen; Reduces the amount of HBV-DNA in mouse tumor cells. **Conclusion:** CTHePaB capsule with dose of 0.96g/kg/24h has good therapeutic effect, in nude mice carrying HCC infected with HBV.

**Keywords:** CTHePaB, hepatocellular carcinoma, hepatitis B virus, hepatitis B virus-infected hepatocellular carcinoma cell transplant model



© 2021 Discovery Scientific Society. This work is licensed under a Creative Commons Attribution 4.0 International License.





**Ethical approval**

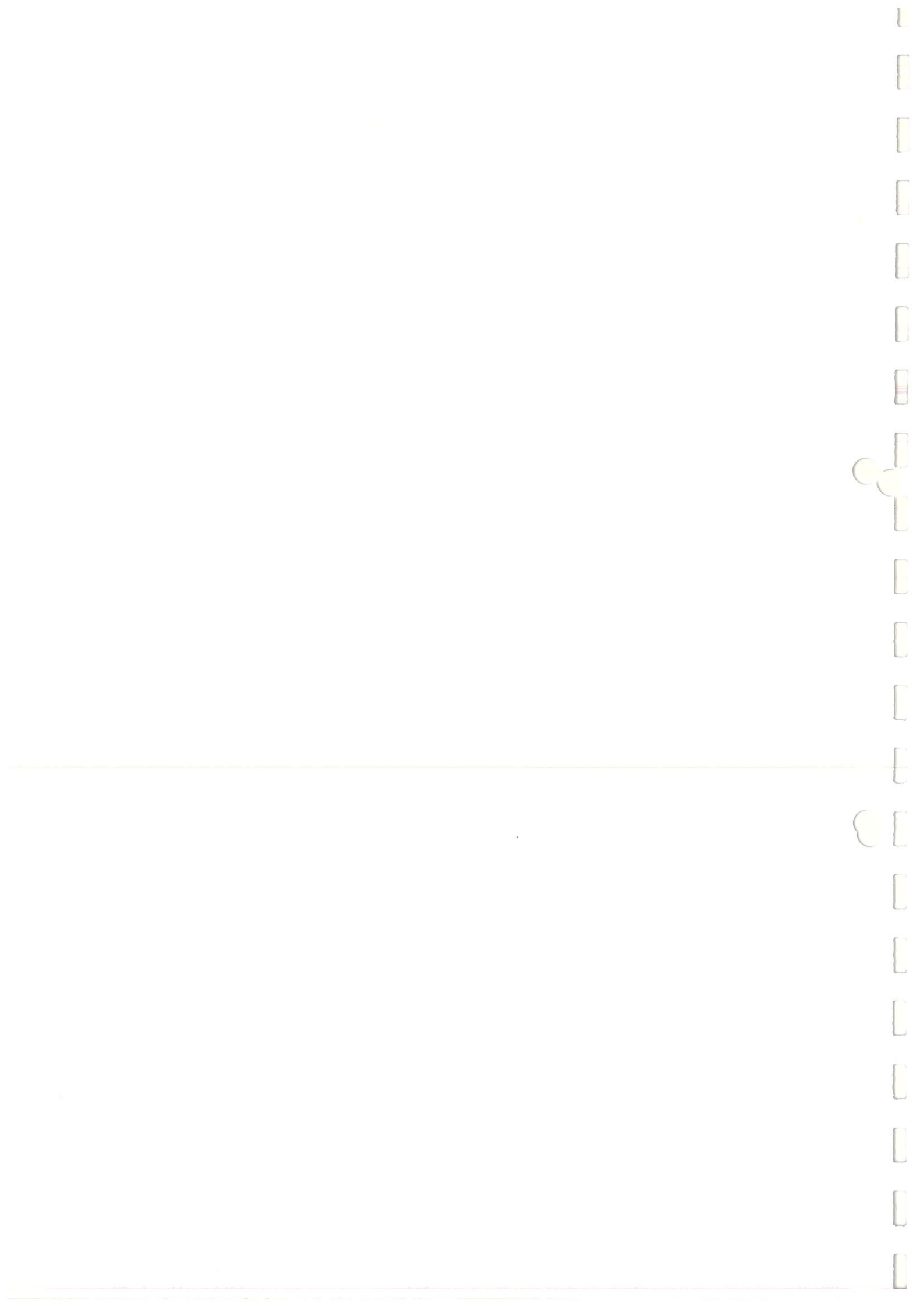
The study was approved by the Medical Ethics Committee of National Hospital of Traditional Medicine (ethical approval code: 34/IBR-NHTM).

**Data and materials availability**

All data associated with this study are present in the paper.

**REFERENCES AND NOTES**

1. Gong HY, Wang KQ, Tang SG. Effects of cordyceps sinensis on T lymphocyte subsets and hepatofibrosis in patients with chronic hepatitis B. *Hunan Yike Daxue Xuebao* 2000; 25(1):248-50.
2. Ha KT, Kim JK, Kang SK. Inhibitory effect of Sihoga - Yonggol-Moryo-Tang on matrix metalloproteinase-2 and -9 activities and invasiveness potential of hepatocellular carcinoma. *Pharmacol Res* 2004; 50(9):279-285.
3. Ho AS, Nguyen HT, Bui KC. Research on creating human liver cancer in immune deficient mice. *Journal of Practical Medicine* 2012; 10(6): 50-53.
4. Jilkova ZM, Kurma K, Decaens T. Animal Models of Hepatocellular Carcinoma: The Role of Immune System and Tumor Microenvironment. *Cancers (basel)* 2019; 11(3): 1487.
5. Kao ST, Yang SL, Hsieh CC, Yang MD, Wang TF, Lin JG. Immunomodulation of Bu-Zhong-Yi-Qi-Tang on in vitro granulocyte colony-stimulating-factor and tumor necrosis factor-alpha production by peripheral blood mononuclear cells. *Immunopharmacol Immunotoxicol* 2000; 22(4):711-720.
6. Kubota T. Metastatic models of human cancer xenografted in the nude mouse: the importance of orthotopic transplantation. *J Cell Biochem* 1994; 56(3): 4-8.
7. Nguyen NQ. Evaluation of the initial results of Ganoderma Lucid Ganoderma tablets (a combination of 250mg of Solanum hainanense Hance extract and 250mg of Eurycoma Longifolia extract) in supporting the treatment of chronic HBV. Scientific research project of 108 Military Central Hospital 2014; 3(1): 1-6.
8. Nguyen TA, Nguyen HP. Research on modeling and morphological characteristics of human liver cancer in immune deficient mice. Vinh Medical University. *J Sci Technol Nghe An* 2018; 7(5): 14-16.
9. Nguyen TT. Research on the immunological effects of Tue Linh liver detoxifying tablets experimentally. Scientific research topic Hanoi Medical University 2014; 2(10): 1-5
10. Nguyen VB. Research on tumor morphological characteristics in immune deficient mice carrying human hepatocellular epithelium. *J Mil Med Pharm* 2013; 8(13): 1-5.
11. Phan TPP. Contributing to the study of primary liver cancer in Vietnam, HBsAg frequency in the serum of healthy people and people with UBT. *Journal of Vietnamese Medicine* 1993; 171(2): 26-30.
12. Teng YC, Shen ZQ, Kao CH. Hepatocellular carcinoma mouse models: Hepatitis B virus-associated hepatocarcinogenesis and haplo insufficient tumor suppressor genes. *World j gastroenterol* 2016; 22(9): 300-325.
13. Trinh TXH, Nguyen VM. Alteration of HBV markers in active chronic hepatitis B patients treated with haina, dihacharin. *J Mil Med Pharm - Military Medical Academy* 2014; 30(1): 115-12.
14. Tsuchiya M, Kono H, Matsuda M, Fujii H, Rusyn I. Protective effect of Juzen-taiho-to on hepatocarcinogenesis is mediated through the of inhibition Kupffer cell-induced oxidative stress. *Int J Cancer* 2008; 123(3):2503-2511.



## Protective role of TD0014 against sodium valproate-induced reproductive toxicity in male wistar rats

**To Cite:**

Ha TT, Anh PTV, Tuyen PB, Thanh MP, Lien NTH, Binh PQ, Phuong PT, Huy DQ, Tam TTM, Tuyet NTB, Huy NQ, Minh DTH. Protective role of TD0014 against sodium valproate-induced reproductive toxicity in male wistar rats. *Medical Science*, 2021, 25(111), 1241-1247

**Author Affiliation:**

- <sup>1</sup>National Hospital of Traditional Medicine, Ha Noi, Vietnam
- <sup>2</sup>Hanoi Medical University, Ha Noi, Vietnam
- <sup>3</sup>Traditional medicine Ministry of public security, Ha Noi, Vietnam
- <sup>4</sup>Sunstar Joint Stock Company, Ha Noi, Vietnam
- <sup>5</sup>Vietnam University of Traditional Medicine, Ha Noi, Vietnam

**Corresponding author**

Traditional medicine Ministry of public security, Ha Noi, Vietnam  
 Email: tuyenmai66@yahoo.com.vn

**Peer-Review History**

Received: 13 April 2021  
 Reviewed & Revised: 15/April/2021 to 17/May/2021  
 Accepted: 17 May 2021  
 Published: May 2021

**Peer-review Method**

External peer-review was done through double-blind method.

Tran Thai Ha<sup>1</sup>, Pham Thi Van Anh<sup>2</sup>, Pham Ba Tuyen<sup>3✉</sup>, Mai Phuong Thanh<sup>2</sup>, Nguyen Thi Huong Lien<sup>4</sup>, Pham Quoc Binh<sup>5</sup>, Pham Thuy Phuong<sup>5</sup>, Doan Quang Huy<sup>5</sup>, Tran Thi Minh Tam<sup>5</sup>, Nguyen Thi Bach Tuyet<sup>5</sup>, Nguyen Quoc Huy<sup>5</sup>, Dinh Thi Hong Minh<sup>5</sup>

### ABSTRACT

Sodium valproate (VPA), a common treatment of epilepsy and other diseases, is known to have severe toxic effects on testis both in experimental animals and in humans. This study was carried out to assess the protective activities of the TD0014 against sodium valproate (SVP)-induced reproductive toxicity in male rats. Animals were treated with TD0014 at the dose of 1.8 g/kg/day and 5.4 g/kg/day, and co-administered with SVP (500 mg/kg) for 7 weeks before all reproductive parameters were determined. The results showed all doses of TD0014 significantly protected the decrease testicular weight and testosterone level in SVP rats. TD0014 significantly improved the decrease sperm count and sperm motility in SVP treated rats. Moreover, testicular histology of TD0014 + SVP groups showed declining of testicular histopathologies as compared to SVP group. Therefore, it seems that TD0014 can prevent testicular and spermatozoal damage in male rats induced with SVP. The higher protective effect was seen with TD0014 at 5.4 g/kg dose.

**Keywords:** TD0014, sodium valproate, male rat

### 1. INTRODUCTION

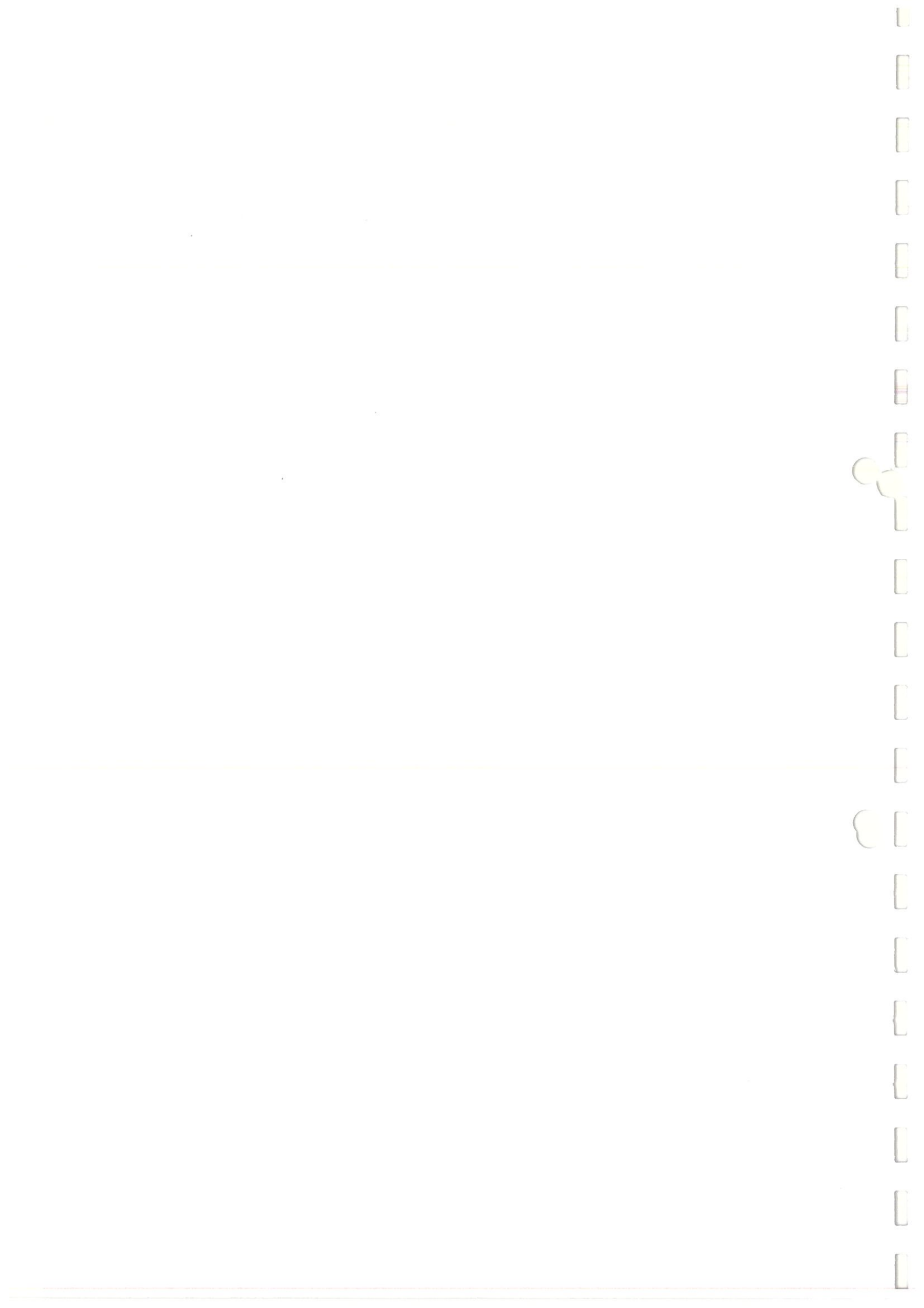
Infertility is one of the major health problems in life, which affects 8–12% of couples worldwide. Of all infertility cases, approximately 40–50% is due to “male factor” infertility (McNamara, 2011). One of the male factor infertility is male hypogonadism, which is characterized by a deficiency in testosterone – a critical hormone for sexual, cognitive, and body function and development. Clinically low testosterone levels can lead to the absence of secondary sex characteristics, infertility, muscle wasting, and other abnormalities. In individuals who also present with clinical signs and symptoms, clinical guidelines recommend treatment with testosterone replacement therapy



**DISCOVERY**  
 SCIENTIFIC SOCIETY

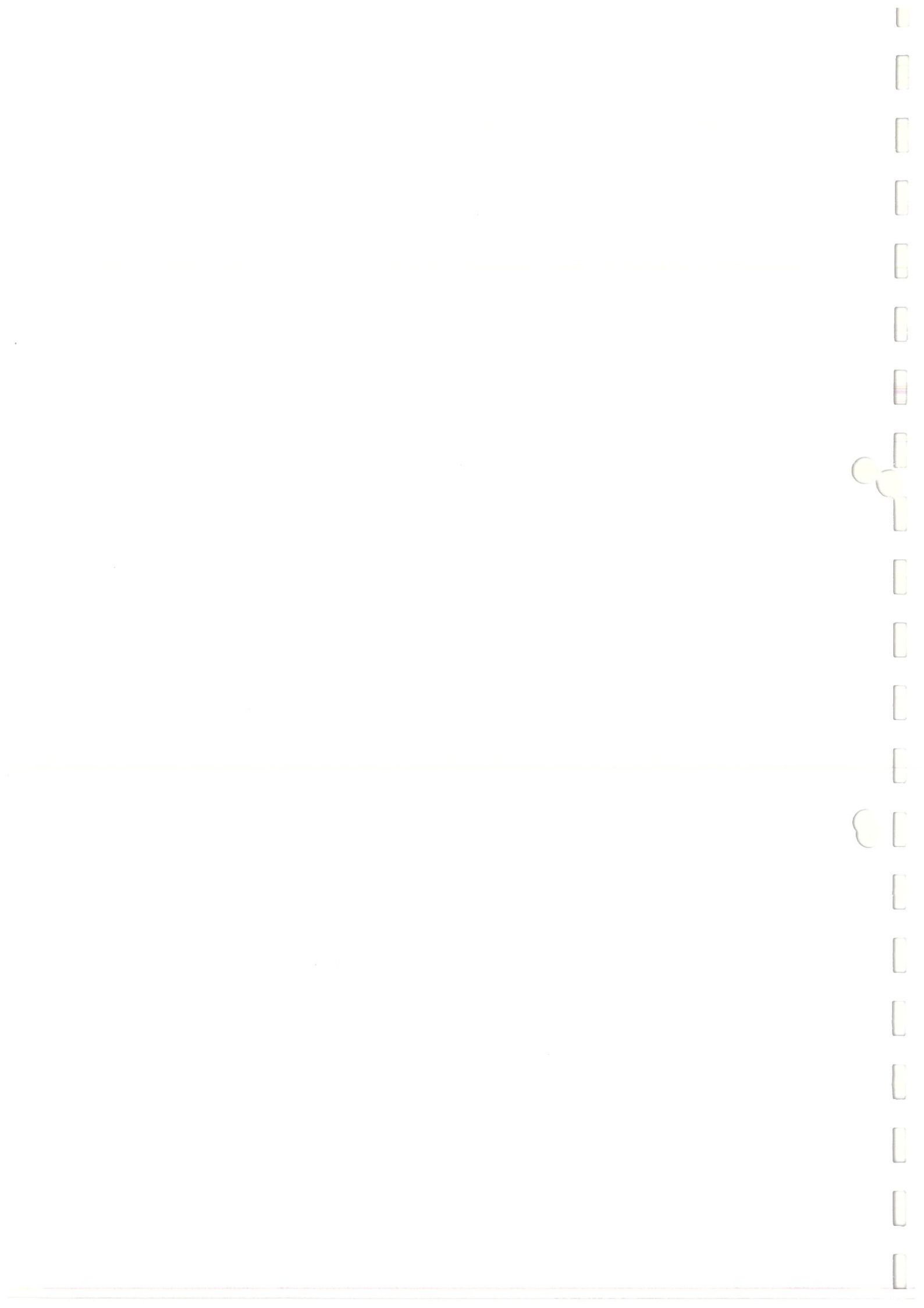
© 2021 Discovery Scientific Society. This work is licensed under a Creative Commons Attribution 4.0 International License.





## REFERENCES AND NOTES

- Bairy L, Paul V, Rao Y. Reproductive toxicity of sodium valproate in male rats. *Indian J Pharmacol* 2010; 42(3):90-4.
- Cárdenas-Rodríguez N, Coballase-Urrutia E, Rivera-Espinosa L. Modulation of Antioxidant Enzymatic Activities by Certain Antiepileptic Drugs (Valproic Acid, Oxcarbazepine, and Topiramate): Evidence in Humans and Experimental Models. *Oxidative Medicine and Cellular Longevity* 2013; 2013(1): 1-8.
- Chhatre S, Nesari T, Somani G. Phytopharmacological overview of *Tribulus terrestris*. *Pharmacogn Rev* 2014; 8(4):45-51
- Dohle GR, Arver S, Bettocchi C. Guidelines on Male Hypogonadism. *Eur Association Urol* 2015; 4(1): 36-40
- Gu C, Yang X, Huang L. Cistanche Herba: A Neuropharmacology Review. *Front Pharmacol* 2016; 7(5):289.
- Gauthaman K, Adaikan PG, Prasad RNV. Changes in hormonal parameters secondary to intravenous administration of *Tribulus terrestris* extract in primates. *Int J Impot Res* 2000; 12(1):1-6.
- Hammada HM, Ghazy NM, Harraz FM. Chemical constituents from *Tribulus terrestris* fruits and screening of their antioxidant activity. *Phytochemistry* 2013; 92(5):153-159.
- Isojärvi J. Disorders of reproduction in patients with epilepsy: antiepileptic drug related mechanisms. *Seizure* 2008; 17(12):111-19
- Jiang Z, Wang J, Li X, Zhang X. Echinacoside and Cistanche tubulosa (Schenk) R. wight ameliorate bisphenol A-induced testicular and sperm damage in rats through gonad axis regulated steroidogenic enzymes. *J Ethnopharmacol* 2016; 193(5):321-328
- Koumanov F, Bozadjieva E, Andreeva M. Clinical trial of Tribestan. *Experimental Medicine* 1982; 2(3): 2 - 4
- Low BS, Choi SB, Wahab HA. Eurycomanone, the major quassinoid in *Eurycoma longifolia* root extract increases spermatogenesis by inhibiting the activity of phosphodiesterase and aromatase in steroidogenesis. *J Ethnopharmacol* 2013; 149(1):201-207
- McNamara OJ. Pharmacotherapy of the epilepsies. In: Brunton LL (eds.). *Goodman & Gilman's The Pharmacological Basis of Therapeutics*, 12th Ed. Mc Graw Hill 2011; 583-607
- Nishimura T, Sakai M, Yonezawa H. Effects of valproic acid on fertility and reproductive organs in male rats. *J Toxicol Sci* 2000; 25(5):85-93
- Najafi MR, Ansari B, Zare M. Effects of antiepileptic drugs on sexual function and reproductive hormones of male epileptic patients. *Iran J Neurol* 2012; 11(5):37-41.
- Pramoto H. *Eurycoma longifolia* extract increases intracellular production activity of luteinizing hormone (LH) in pituitary. *International Symposium on Current Progress in Mathematics and Sciences 2016 (ISCPMS 2016)*, AIP Conference Proceedings 2016; 1862(3):112-126
- Tambi MI. Glycoprotein water-soluble extract of *Eurycoma longifolia* Jack as a health supplement in management of Health aging in aged men. In: *Proceedings of the 3rd World Congress on the Aging Male; Germany. Aging Male 2002; 6(3): 1-10*
- Tambi MI. Standardized water soluble extract of *Eurycoma longifolia* (LJ100) on men's health. *Int J Androl* 2005; 28(7):1-6.
- Wang T, Chen C, Yang M. Cistanche tubulosa ethanol extract mediates rat sex hormone levels by induction of testicular steroidogenic enzymes. *Pharm Biol* 2016; 54(2):481-487
- Adimoelja A, Adaikan PG. Protodioscin from herbal plant *Tribulus terrestris* L. improves male sexual functions possibly via DHEA. *Int J Impot Res* 1997; 9(3):S64.
- Adaikan PG, Gauthaman K, Prasad RN. History of herbal medicines with an insight on the pharmacological properties of *Tribulus terrestris*. *Aging Male* 2001; 4(9):163-69.
- Aldemir E, Akdeniz F. Effects of Valproate on Male Reproductive Functions. *Turkish Journal of Psychiatry* 2009; 20(1):376-84
- Osterberg EC, Bernie AM, Ramasamy R. Risks of testosterone replacement therapy in men. *Indian J Urol* 2014; 30(6):2-7.





## Dual roles of oxostephanine as an Aurora kinase inhibitor and angiogenesis suppressor

THU-HIEN THI TRAN<sup>1\*</sup>, LE-DUY BA VU<sup>2\*</sup>, HUY QUOC NGUYEN<sup>1</sup>, HANH BICH PHAM<sup>2</sup>,  
XUAN-PHUONG THI DO<sup>2</sup>, UYEN THI TRANG THAN<sup>3</sup>, THU-HUONG THI PHAM<sup>4</sup>, LINH DIEU DO<sup>2</sup>,  
KIM-VAN THI LE<sup>5</sup>, THAO PHUONG NGUYEN<sup>6</sup> and MY-NHUNG THI HOANG<sup>2,3</sup>

<sup>1</sup>Department of Pharmacognosy, Vietnam University of Traditional Medicine; <sup>2</sup>Department of Cell Biology, Faculty of Biology, VNU University of Science, Vietnam National University; <sup>3</sup>Center of Applied Sciences, Regenerative Medicine and Advance Technologies, Vinmec Healthcare System; <sup>4</sup>The Key Laboratory of Enzyme and Protein Technology, VNU University of Science, Vietnam National University; <sup>5</sup>Faculty of Apothecary, National Institute of Medicinal Materials; <sup>6</sup>Institute of Marine Biochemistry, Vietnam Academy of Science and Technology, Hanoi 10000, Vietnam

Received April 15, 2022; Accepted August 24, 2022

DOI: 10.3892/ijmm.2022.5189

**Abstract.** The Aurora kinases, including Aurora A, B and C, play critical roles in cell division. They have been found overexpressed in a number of types of cancer and may thus be potential targets in cancer therapy. Several Aurora kinase inhibitors have been identified and developed. Some of these have been used in clinical trials and have exhibited certain efficacy in cancer treatment. However, none of these has yet been applied clinically due to the poor outcomes. Oxostephanine is an aporphine alkaloid isolated from several plants of the genus *Stephania*. This compound has been reported to inhibit Aurora kinase activity in kinase assays and in cancer cells. The present study aimed to investigate the real-time effects of oxostephanine extracted from *Stephania dielsiana* Y.C. Wu leaves on the growth of an ovarian cancer cell line (OVCAR-8, human ovarian carcinoma); these effects were compared to those of the well-known Aurora kinase inhibitor, VX-680. The effects of oxostephanine on stromal cells, as well as endothelial cells were also examined. The results demonstrated that oxostephanine was an Aurora kinase inhibitor through the prevention of histone H3 phosphorylation at serine 10, the mislocalization of Aurora B and the induction of aneuploidy. Moreover, this substance was selectively cytotoxic to human umbilical vein endothelial cells (hUVECs), whereas it was less cytotoxic to human fibroblasts and umbilical cord-derived

mesenchymal stem cells. In addition, this compound significantly attenuated the migration and tube formation ability of hUVECs. Taken together, the present study demonstrates that oxostephanine plays dual roles in inhibiting Aurora kinase activity and angiogenesis. Thus, it may have potential for use as a drug in cancer treatment.

### Introduction

The Aurora kinases, including Aurora A, B and C, are serine/threonine kinases that play a central role in regulating cell division and multiple signaling pathways. Aurora A functions in the formation of a typical bipolar spindle (1), the maturation of centrosomes, which is necessary for G2/M transition (2), and the formation and stimulation of the cyclin B-CDK1 complex (3). Moreover, Aurora A helps to increase both size and microtubule-nucleating capacity just before mitotic entry (3). Aurora B plays a function in the chromosome biorientation on the mitotic spindle. It mediates the attachment of the microtubule to the kinetochores and regulates the spindle assembly checkpoint (SAC) (4,5). The improper attachment of kinetochores promotes Aurora B to recruit and phosphorylate its substrates at the kinetochores to depolymerize the uncorrected attachment, allowing other microtubules to capture the unattached kinetochores. The inhibition of Aurora B can impair the chromosome arrangement at the mitotic spindle equator (6).

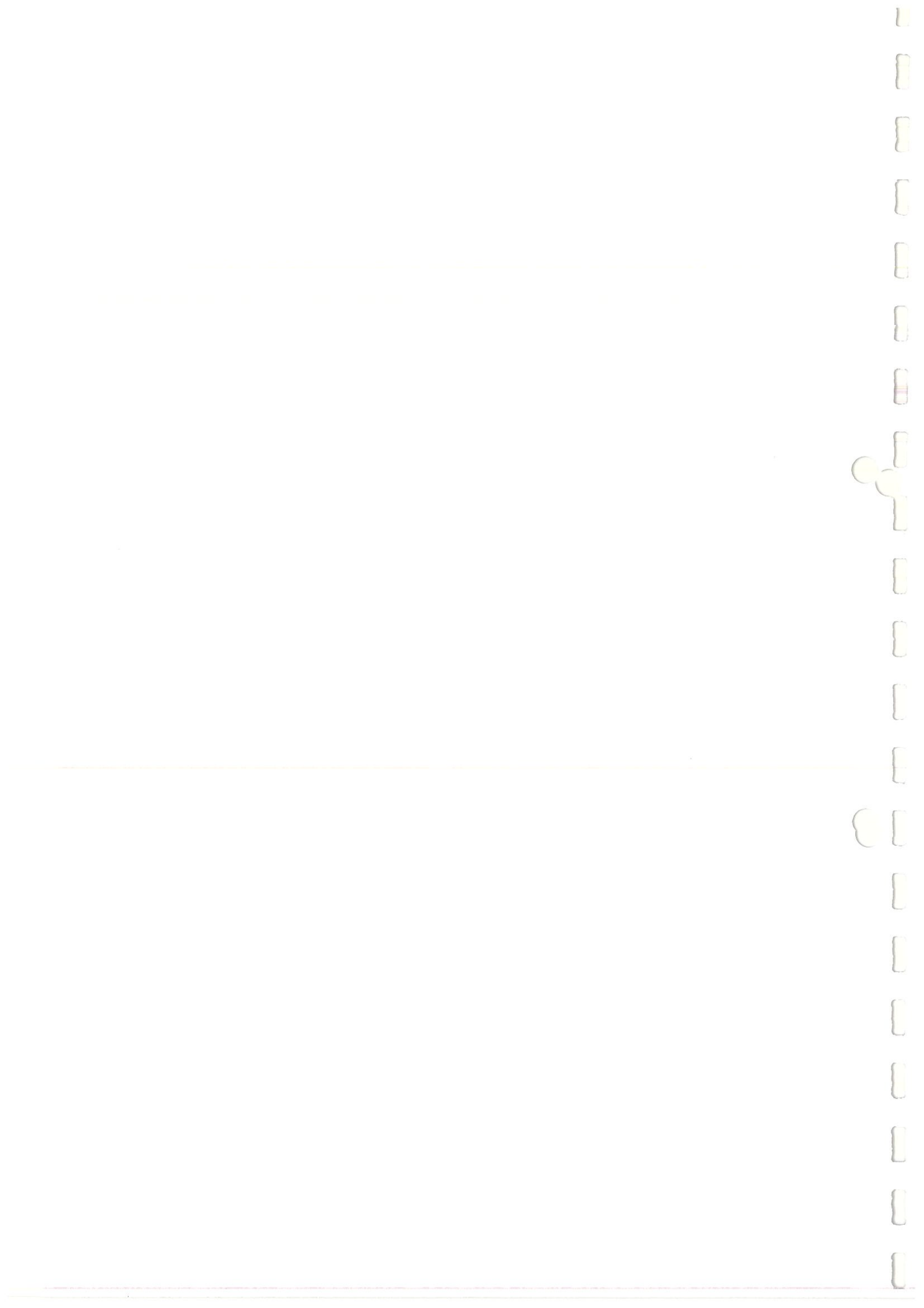
Furthermore, Aurora B phosphorylates histone H3 at the serine 10 (H3S10ph) residue at the beginning of the prophase and leads to a peak in H3S10ph at the prometaphase and metaphase. This phosphorylation contributes to the active chromosome conformation at the entry of mitosis (7). Other studies have reported that H3S10ph may involve chromosome condensation and Aurora B recruitment to the centromere (8,9). Most notably, Aurora B is the only enzymatic member of the chromosomal passenger protein complex (CPC). All members of CPC share the co-localization during mitosis: They concentrate in the kinetochore

*Correspondence to:* Dr My-Nhung Thi Hoang, Department of Cell Biology, Faculty of Biology, VNU University of Science, Vietnam National University, 334 Nguyen Trai Street, Hanoi 10000, Vietnam  
E-mail: hoangthimynhung@hus.edu.vn

\*Contributed equally

**Key words:** Aurora kinases, Aurora kinase inhibitor, ovary cancer cell line, angiogenesis, endothelial cells, growth factors





20. Giet R, Petretti C and Prigent C: Aurora kinases, aneuploidy and cancer, a coincidence or a real link? *Trends Cell Biol* 15: 241-250, 2005.
21. Makarasan A, Sirithana W, Mogkhuntod S, Khunnawutmanotham N, Chimnoi N and Techasakul S: Cytotoxic and antimicrobial activities of aporphine alkaloids isolated from *Stephania venosa* (Blume) Spreng. *Planta Med* 77: 1519-1524, 2011.
22. Thien DD, Thuy TT, Huy NQ, Van TH, Duong LTT and Tam NT: Cytotoxic alkaloids from *Stephania dielsiana*. *Chem Nat Compd* 54: 613-616, 2018.
23. Knockleby J, Pradines B, Gendrot M, Mosnier J, Nguyen TT, Trinh TT, Lee H and Le PM: Cytotoxic and anti-plasmodial activities of *Stephania dielsiana* Y.C. Wu extracts and the isolated compounds. *Molecules* 25: 3755, 2020.
24. Hoang TMN, Favier B, Valette A, Barette C, Nguyen CH, Lafanechère L, Grierson DS, Dimitrov S and Molla A: Benzo[e]pyridoindoles, novel inhibitors of the aurora kinases. *Cell Cycle* 8: 765-772, 2009.
25. Hoang NTM, Phuong TT, Nguyen TTN, Tran YTH, Nguyen ATN, Nguyen TL and Bui KTV: In vitro characterization of derrone as an aurora kinase inhibitor. *Biol Pharm Bull* 39: 935-945, 2016.
26. McMillan KS, McCluskey AG, Sorensen A, Boyd M and Zagnoni M: Emulsion technologies for multicellular tumour spheroid radiation assays. *Analyst* 141: 100-110, 2016.
27. Lin YS, Su LJ, Yu CT, Wong FH, Yeh HH, Chen SL, Wu JC, Lin WJ, Shiu YL, Liu HS, et al: Gene expression profiles of the aurora family kinases. *Gene Expr* 13: 15-26, 2006.
28. He J, Qi Z, Zhang X, Yang Y, Liu F, Zhao G and Wang Z: Aurora kinase B inhibitor barasertib (AZD1152) inhibits glucose metabolism in gastric cancer cells. *Anticancer Drugs* 30: 19-26, 2019.
29. Romain C, Paul R, Kim KW, Lee S, Qiao J and Chung DH: Targeting Aurora kinase-A downregulates cell proliferation and angiogenesis in neuroblastoma. *J Pediatr Surg* 49: 159-165, 2014.
30. Roy JG, McElhaney JE and Verschoor CP: Reliable reference genes for the quantification of mRNA in human T-cells and PBMCs stimulated with live influenza virus. *BMC Immunol* 21: 4, 2020.
31. Livak KJ and Schmittgen TD: Analysis of relative gene expression data using real-time quantitative PCR and the 2(-Delta Delta C(T)) method. *Methods* 25: 402-408, 2001.
32. Bi H, Li H, Zhang C, Mao Y, Nie F, Xing Y, Sha W, Wang X, Irwin DM and Tan H: Stromal vascular fraction promotes migration of fibroblasts and angiogenesis through regulation of extracellular matrix in the skin wound healing process. *Stem Cell Res Ther* 10: 302, 2019.
33. Li Y, Zhang ZF, Chen J, Huang D, Ding Y, Tan MH, Qian CN, Resau JH, Kim H and The BT: VX680/MK-0457, a potent and selective Aurora kinase inhibitor, targets both tumor and endothelial cells in clear cell renal cell carcinoma. *Am J Transl Res* 2: 296-308, 2010.
34. Pérez-Fidalgo JA, Gambardella V, Pineda B, Burgues O, Piñero O and Cervantes A: Aurora kinases in ovarian cancer. *ESMO Open* 5: e000718, 2010.
35. Cervantes A, Elez E, Roda D, Ecsedy J, Macarullà T, Venkatakrishnan K, Roselló S, Andreu J, Jung J, Sanchis-García JM, et al: Phase I pharmacokinetic/pharmacodynamic study of MLN8237, an investigational, oral, selective Aurora kinase inhibitor, in patients with advanced solid tumors. *Clin Cancer Res* 18: 4764-4774, 2012.
36. Falchook G, Coleman RL, Roszak A, Behbakht K, Matulonis U, Ray-Coquard I, Sawrycki P, Duska LR, Tew W, Ghamande S, et al: Alisertib in combination with weekly paclitaxel in patients with advanced breast cancer or recurrent ovarian cancer: A randomized clinical trial. *JAMA Oncol* 5: e183773, 2019.
37. Brito DA, Yang Z and Rieder CL: Microtubules do not promote mitotic slippage when the spindle assembly checkpoint cannot be satisfied. *J Cell Biol* 182: 623-629, 2008.
38. Willems E, Lombard A, Dedobbeleer M, Goffart N and Rogister B: The unexpected roles of aurora A kinase in glioblastoma recurrences. *Target Oncol* 12: 11-18, 2017.
39. Wang JD, Zhang W, Zhang JW, Zhang L, Wang LX, Zhou HS, Long L, Lu G, Liu Q and Long ZJ: A novel aurora kinase inhibitor attenuates leukemic cell proliferation induced by mesenchymal stem cells. *Mol Ther Oncolytics* 18: 491-503, 2020.
40. Wu CC, Yu CTR, Chang GC, Lai JM and Hsu SL: Aurora-A promotes gefitinib resistance via a NF- $\kappa$ B signaling pathway in p53 knockdown lung cancer cells. *Biochem Biophys Res Commun* 405: 168-172, 2011.
41. Chen J, Lu H, Zhou W, Yin H, Zhu L, Liu C, Zhang P, Hu H, Yang Y and Han H: AURKA upregulation plays a role in fibroblast-reduced gefitinib sensitivity in the NSCLC cell line HCC827. *Oncol Rep* 33: 1860-1866, 2015.
42. Kasam RK, Ghandikota S, Soundararajan D, Reddy GB, Huang SK, Jegga AG and Madala SK: Inhibition of Aurora kinase B attenuates fibroblast activation and pulmonary fibrosis. *EMBO Mol Med* 12: e12131, 2020.
43. Kim HJ, Cho JH, Quan H and Kim JR: Down-regulation of Aurora B kinase induces cellular senescence in human fibroblasts and endothelial cells through a p53-dependent pathway. *FEBS Lett* 585: 3569-3576, 2011.
44. Lugano R, Ramachandran M and Dimberg A: Tumor angiogenesis: Causes, consequences, challenges and opportunities. *Cell Mol Life Sci* 77: 1745-1770, 2020.
45. Wang Z, Zhao Y, An Z and Li W: Molecular links between angiogenesis and neuroendocrine phenotypes in prostate cancer progression. *Front Oncol* 9: 1491, 2020.
46. Guillaume K, Blanc M, Gousses G, Walter T, Couderc C, Nejjari M, Vercherat C, Cordier-Bussat M, Roche C and Scoazec JY: VEGF secretion by neuroendocrine tumor cells is inhibited by octreotide and by inhibitors of the PI3K/AKT/mTOR pathway. *Neuroendocrinology* 91: 268-278, 2010.
47. Ton AT, Singh K, Morin H, Ban F, Leblanc E, Lee J, Lallous N and Cherkasov A: Dual-inhibitors of N-Myc and AURKA as potential therapy for neuroendocrine prostate cancer. *Int J Mol Sci* 21: 8277, 2020.
48. Sedlář A, Trávníčková M, Matějka R, Pražák Š, Mészáros Z, Bojarová P, Bačáková L, Křen V and Slámová K: Growth factors VEGF-A165 and FGF-2 as multifunctional biomolecules governing cell adhesion and proliferation. *Int J Mol Sci* 22: 1843, 2021.
49. Cao R, Eriksson A, Kubo H, Alitaio K, Cao Y and Thyberg J: Comparative evaluation of FGF-2-, VEGF-A-, and VEGF-C-induced angiogenesis, lymphangiogenesis, vascular fenestrations, and permeability. *Circ Res* 94: 664-670, 2004.
50. Grugan KD, Miller CG, Yao Y, Michaylira CZ, Ohashi S, Klein-Szanto AJ, Diehl JA, Herlyn M, Han M, Nakagawa H and Rustgi AK: Fibroblast-secreted hepatocyte growth factor plays a functional role in esophageal squamous cell carcinoma invasion. *Proc Natl Acad Sci USA* 107: 11026-11031, 2010.
51. Sahni A and Francis CW: Stimulation of endothelial cell proliferation by FGF-2 in the presence of fibrinogen requires  $\alpha$ v $\beta$ 3. *Blood* 104: 3635-3641, 2004.
52. Huy NQ and Trang NTM: Evaluation of the anti-tumor activity of SM2 fraction extracted from *Stephania dielsiana* Y.C.Wu on Swiss mice bearing S180 sarcoma tumor. *Vietnam Pharm J* 55: 42-45, 2015 (In Vietnamese).



This work is licensed under a Creative Commons Attribution-NonCommercial-NoDerivatives 4.0 International (CC BY-NC-ND 4.0) License.





## Cytotoxic effects of aporphine alkaloids from the stems and leaves of *Stephania dielsiana* Y.C.Wu

Tran Thi Thu Hien, Vinh Le Ba, Nguyen Quoc Huy, Nguyen Phuong Thao, Seo Young Yang & Le Thi Kim Van

To cite this article: Tran Thi Thu Hien, Vinh Le Ba, Nguyen Quoc Huy, Nguyen Phuong Thao, Seo Young Yang & Le Thi Kim Van (2023): Cytotoxic effects of aporphine alkaloids from the stems and leaves of *Stephania dielsiana* Y.C.Wu, Natural Product Research, DOI: [10.1080/14786419.2023.2227911](https://doi.org/10.1080/14786419.2023.2227911)

To link to this article: <https://doi.org/10.1080/14786419.2023.2227911>

 View supplementary material 

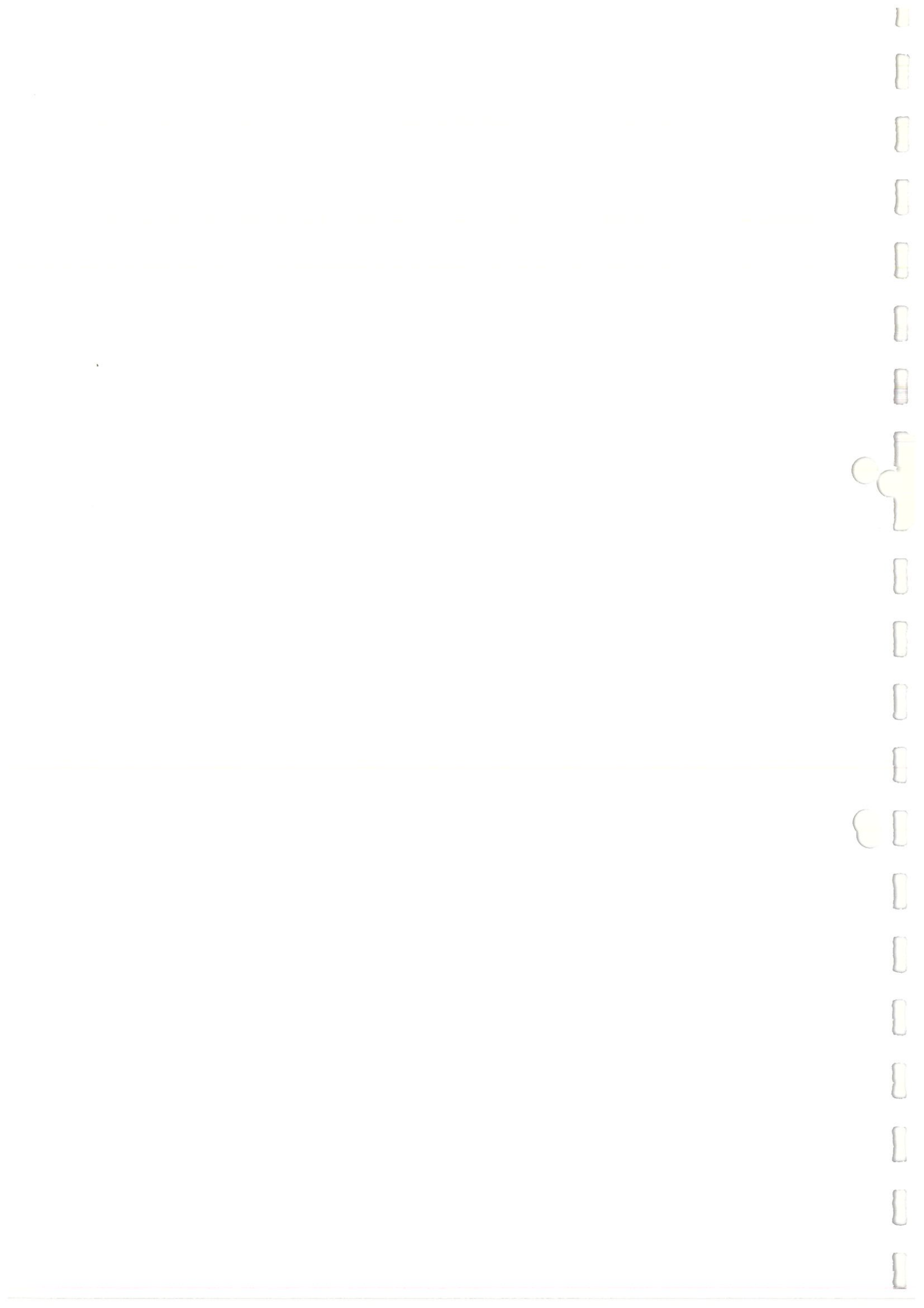
 Published online: 25 Jun 2023.

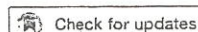
 Submit your article to this journal 

 View related articles 

 View Crossmark data 







## Cytotoxic effects of aporphine alkaloids from the stems and leaves of *Stephania dielsiana* Y.C.Wu

Tran Thi Thu Hien<sup>a#</sup>, Vinh Le Ba<sup>b#</sup>, Nguyen Quoc Huy<sup>a</sup>, Nguyen Phuong Thao<sup>b</sup>, Seo Young Yang<sup>c</sup> and Le Thi Kim Van<sup>d</sup>

<sup>a</sup>VietNam University of Traditional Medicine, Hanoi, Vietnam; <sup>b</sup>Institute of Marine Biochemistry, Academy of Science and Technology, Hanoi, Vietnam; <sup>c</sup>Department of Pharmaceutical Engineering, Sangji University, Wonju, Republic of Korea; <sup>d</sup>National Institute of Medicinal Materials, Hanoi, Vietnam

### ABSTRACT

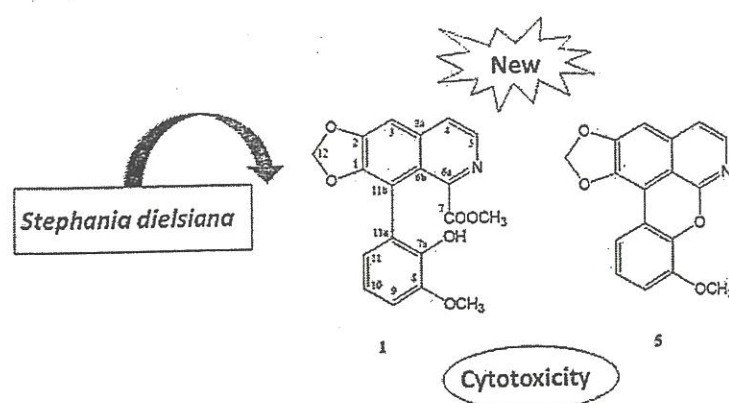
Phytochemical studies of the stems and leaves of *Stephania dielsiana* Y.C.Wu yielded two new aporphine alkaloids (**1** and **5**), along with six known alkaloids (**2–4** and **6–8**). Their structures were characterised based on analyses of spectroscopic data, including one- and two-dimensional nuclear magnetic resonance (NMR) spectroscopy and high-resolution electrospray ionisation mass spectrometry (HR-ESI-MS). The cytotoxic activities of the isolated compounds against a small panel of tumour cell lines were assessed by MTS assay. Interestingly, compound **2** exhibited particularly strong cytotoxic activities against HepG2, MCF7 and OVCAR8 cancer cell lines, with IC<sub>50</sub> values of 3.20±0.18, 3.10±0.06 and 3.40±0.007 µM, respectively. Furthermore, molecular docking simulations were carried out to explore the interactions and binding mechanisms of the most active compound (compound **2**) with proteins. Our results contribute to understanding the secondary metabolites produced by *S. dielsiana* and provide a scientific rationale for further investigations of cytotoxicity of this valuable medicinal plant.

### ARTICLE HISTORY

Received 23 September 2022  
Accepted 17 June 2023

### KEYWORDS


*Stephania dielsiana* Y.C.Wu; menispermaceae; stiedtines A-B; cytotoxicity



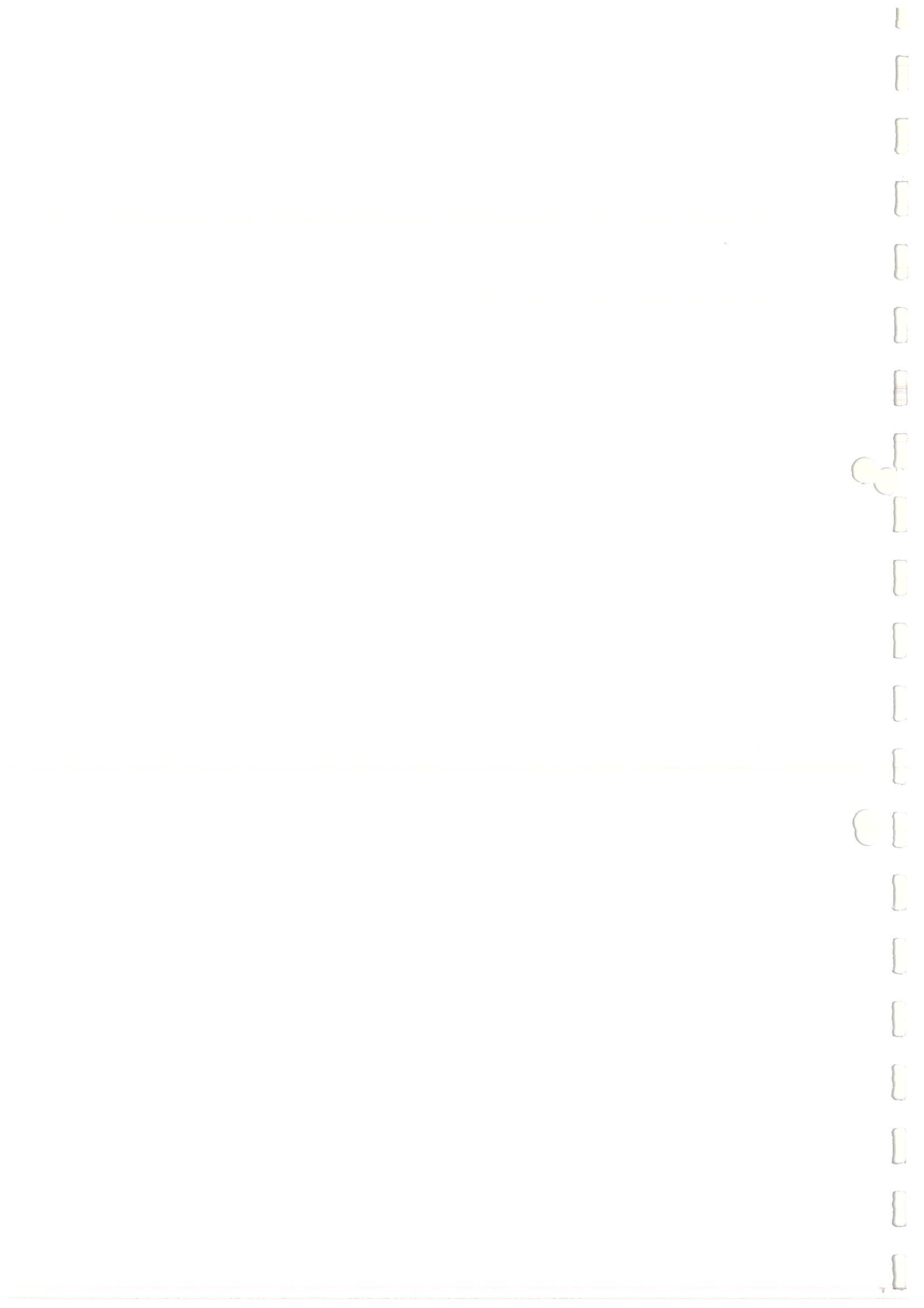
**CONTACT** Le Thi Kim Van ✉ lethikimvannimm0@gmail.com; Seo Young Yang ✉ syyang@sangji.ac.kr

<sup>#</sup>Two authors contributed equally to this paper.

The English in this document has been checked by at least two professional editors, both native speakers of English. For a certificate, please see: <http://www.textcheck.com/certificate/nNZxgR>

 Supplemental data for this article can be accessed online at <https://doi.org/10.1080/14786419.2023.2227911>.

© 2023 Informa UK Limited, trading as Taylor & Francis Group



- Vinh LB, Han YK, Park SY, Kim YJ, Phong NV, Kim E, Ahn B-g, Jung YW, Byun Y, Jeon YH, et al. 2023. Identification of triterpenoid saponin inhibitors of interleukin (IL)-33 signaling from the roots of *Astragalus membranaceus*. *J Funct Foods*. 101:105418. doi: 10.1016/j.jff.2023.105418.
- Vinh LB, Jang H-J, Phong NV, Dan G, Cho KW, Kim YH, Yang SY. 2019a. Bioactive triterpene glycosides from the fruit of *Stauntonia hexaphylla* and insights into the molecular mechanism of its inflammatory effects. *Bioorg Med Chem Lett*. 29(16):2085–2089. doi: 10.1016/j.bmcl.2019.07.010.
- Vinh LB, Park JU, Duy LX, Nguyet NTM, Yang SY, Kim YR, Kim YH. 2019b. Ginsenosides from Korean red ginseng modulate T cell function via the regulation of NF-AT-mediated IL-2 production. *Food Sci Biotechnol*. 28(1):237–242. doi: 10.1007/s10068-018-0428-8.
- Vinh LB, Phong NV, Ali I, Dan G, Koh YS, Anh HLT, Van Anh DT, Yang SY, Kim YH. 2020. Identification of potential anti-inflammatory and melanoma cytotoxic compounds from *Aegiceras corniculatum*. *Med Chem Res*. 29(11):2020–2027. doi: 10.1007/s00044-020-02613-5.
- Zhou DX, Liang Y, Liu XB, Zheng N, Xu WF, Li J, Yang RY. 2018. Aporphine alkaloids from *Stephania dielsiana*. *Chem Nat Compd*. 54(6):1202–1204. doi: 10.1007/s10600-018-2597-3.



